

BIỂN ĐÔNG VÀ QUÁ TRÌNH BỊ BIẾN THÀNH LÃNH THỔ “LỊCH SỬ” CỦA TRUNG QUỐC NĂM 1975

Tác giả: Johannes L. KURZ (Bandar Seri Bergawan, Brunei)

Một trong những bài báo sơ khai nhất trình bày “bằng chứng lịch sử” về nhận thức và thực tiễn lâu đời của Trung Quốc đối với các nhóm đảo ở Biển Đông xuất hiện trên tờ *Nhân dân Nhật báo* (Renmin ribao 人民日报) ngày 25/11/1975 với nhan đề “Các đảo ở Biển Đông là lãnh thổ của Trung Quốc từ thời xa xưa” (南海诸岛自古就是我国领土). Việc xuất bản bài báo trên tờ *Nhân dân Nhật báo* phản ánh lập trường chính thức của Trung Quốc và khuyến khích các học giả Trung Quốc nỗ lực chứng minh tính xác đáng của các yêu sách lịch sử trên Biển Đông. Bài báo có ảnh hưởng sâu sắc tới quan điểm chính trị và học thuật trong tương lai về cách biến các đảo Biển Đông thành lãnh thổ của Trung Quốc. Nhằm phân tích cách mà bài báo của “Sử Đệ tổ” (Shi Dizu 史棣祖) thiết lập “chủ quyền lịch sử” đối với các đảo Biển Đông¹, tôi sẽ xem xét một số nguồn tư liệu được nhắc đến ở bên dưới. Phân tích của tôi diễn ra vào đúng thời điểm khi Mỹ thực hiện các “hoạt động tự do hàng hải” (FONOP) ở Biển Đông với mức độ thường xuyên² và khi phần lớn các hoạt động thương mại quốc tế toàn cầu đi qua khu vực này³. Bên cạnh đó, cộng đồng quốc tế đã bác bỏ các yêu sách của Trung Quốc trên Biển Đông. Phán quyết cuối cùng từ Tòa Trọng tài Thường trực ở The Hague vào tháng 7 năm 2016 đã tuyên bố Trung Quốc không có “quyền lịch sử” trên Biển Đông như nước này vẫn yêu sách trong công hàm năm 2009 có chứa bản đồ đường chín đoạn (*jiuduan-xian* 九段线)⁴. Tiến trình tố tụng,

¹ Tôi sử dụng thuật ngữ này nhằm thể hiện các đá, đảo, bãi cạn và đảo san hô mà Trung Quốc vẫn thường đề cập đến là Nam Hải chư đảo (Nanhai zhudao 南海诸岛). Thuật ngữ *chư đảo* đề cập đến Tây Sa 西沙 (Hoàng Sa), Đông Sa 东沙 (Pratas Islands); Trung Sa 中沙 (Bãi Macclesfield) and Nam Sa 南沙 (Trường Sa). Hiện Đông Sa đang do Trung Quốc quản lý, các đảo khác vẫn đang trong tranh chấp với các nước ở Biển Đông. Chỉ khi Trung Quốc bắt đầu dự án xây đảo trên các thực thể này, một số thực thể đã biến thành “đảo”, ví dụ như đá Xu Bi (Zhubi jiao 渚碧礁, ở quần đảo Trường Sa). Đá Xu Bi chỉ nổi khi ở thủy triều thấp, còn khi thủy triều lên cao, thực thể này biến mất, Đá Xu Bi bị biến thành đảo nhân tạo qua quá trình cải tạo kể từ năm 2014. Về quá trình phát triển của Đá Xu Bi, xem Sáng kiến Minh bạch Hàng hải châu Á 2019. Về mặt pháp lý, các đảo có thể tạo ra một vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp và vùng đặc quyền kinh tế, ngược lại các bãi cạn lúc chìm lúc nổi không thể tạo ra các vùng này. Xem Freund 2017.

² Một trong những hoạt động Tự do hàng hải (FONOP) gần đây nhất được tiến hành vào tháng 1 năm 2019. Xem Storey 2019. Hải quân Hoàng gia Anh gần đây đã tham gia cùng Hải quân Mỹ. Xem Hải quân Hoàng gia 2019.

³ Vào năm 2016, hoạt động thương mại có giá trị tương đương gần 3.4 nghìn tỉ USD đi qua Biển Đông, chiếm khoảng 1/5 thương mại toàn cầu tại thời điểm đó. Xem China Power Team 2017.

⁴ Về phán quyết (có bản PDF) xem Tòa Trọng tài Thường trực 2016. Về công hàm có bản đồ của Trung Quốc đệ trình lên Liên Hợp Quốc xem Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 2009. Cũng có thể xem phản ứng của Bộ

được khởi xướng bằng việc Philippines kiện Trung Quốc vào năm 2013, bắt đầu vào năm 2015. Trung Quốc nhanh chóng bác bỏ Phán quyết, một lần nữa viến dẫn lịch sử cho lập luận khẳng định quyền sở hữu của họ trên Biển Đông⁵.

Giới thiệu

Vào tháng 01/1974, Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã giành quyền kiểm soát quần đảo Hoàng Sa (Xisha qundao 西沙群岛 – Tây Sa quần đảo theo cách gọi của Trung Quốc; tên gọi tiếng Anh là Paracel Islands) bằng việc đánh bại quân đội miền Nam Việt Nam đang đóng quân ở đây⁶. Do đó, Bảo tàng tỉnh Quảng Đông (Guangdong sheng bowuguan 广东省博物馆) và Phòng Văn hóa thuộc Khu Hành chính Hải Nam (Hainan xingzhengqu wenhuaju 海南行政区文化局) đã cử một nhóm học giả đến nghiên cứu về lãnh thổ vừa mới chiếm được vào giữa tháng Ba và tháng Tư năm 1974. Nhóm học giả này phát hiện một số cổ vật như đồng xu, các mảnh gốm sứ và đi tới kết luận rằng “Quần đảo Hoàng Sa là lãnh thổ thiêng liêng của Trung Quốc kể từ thời xa xưa” (西沙群岛自古以来就是中国的 神圣领土). Ngoài ra, các nhà nghiên cứu này cũng công bố một tài liệu [Thủy lộ bạ (shuilu bu 水路簿)] của ngư dân Tô Đức Liễu (Su Deliu 苏德柳), từ Đàm Môn (Tanmen 潭门), ở phía Đông của Hải Nam⁷ ghi lại lộ trình đi đến các đảo và đề cập đến các đảo và bãi cạn ở Đàm Môn⁸.

Điều thú vị là kết quả của các cuộc khảo cứu trên đã cho ra ba bài báo xuất bản ở Hong Kong - không phải Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - cũng lập luận tương tự, lần lượt đề cập đến yếu sách lịch sử của Trung Quốc trong khu vực, dựa trên cơ sở các

Ngoại giao Mỹ 2014. Các học giả phương Tây trước đó cũng đã bác bỏ khái niệm “quyền lịch sử” của Trung Quốc vì những yêu sách này không đáp ứng “các chuẩn mực của luật pháp quốc tế”. Xem Dupuy và Dupuy 2013. Xem thêm Kopela 2017.

⁵ Xem Bộ Ngoại giao Trung Quốc, 2016. Xem thêm sự bác bỏ của Hội Luật quốc tế Trung Quốc với phán quyết, đề cập nhiều nguồn có trong bài báo của “Sử Đệ tổ” dưới tiêu đề “Thực tiễn của Trung Quốc trên Biển Đông trước Thế kỷ 20. Xem Hội Luật quốc tế Trung Quốc 2018, 455-457.

⁶ Về báo cáo của miền Nam Việt Nam về cuộc chiến, xem Ho 2014. Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã chỉ trích sự hiện diện của quân miền Nam Việt Nam ở Nhóm đảo Lưỡi Liềm (Yongle qundao 永乐群岛, nhóm đảo phía Tây) ở Hoàng Sa là “xâm phạm” lãnh thổ của Trung Quốc và lấy cớ sử dụng vũ lực. Xem Zhonghua renmin gongheguo waijiaobu 中华人民共和国外交部 1974.

⁷ Về *Thủy lộ bạ* và *Canh lộ bạ* (*genglubu* 更路簿) xem Kurz. Tài liệu của Tô Đức Liễu được coi là nguồn tham chiếu quan trọng với các hoạt động liên tục của ngư dân Trung Quốc tại các đảo trong bài báo xuất bản trên tờ *Nhân dân Nhật báo* năm 1976. Xem *Nhân dân Nhật báo* năm 1976.

⁸ Quảng Đông tỉnh vật quán (Guangdong sheng bowuguan 广东省博物馆) năm 1974. Các thành viên của cùng viện nghiên cứu cũng đã tiến hành cuộc điều tra khác năm 1975 và có kết quả được xuất bản là Quảng Đông tỉnh vật quán (Guangdong sheng bowuguan 广东省博物馆) 1976.

tài liệu lịch sử⁹. Hai trong số các bài báo xuất hiện ở số tương tự của tờ *Minh Báo Nguyệt San* (*Mingbao yuekan* 明報月刊). Bài báo đầu tiên có nhan đề “Các vấn đề chủ quyền trên các đảo và rạn san hô ở Biển Đông” (南中国海诸岛屿的主权问题) của tác giả Đặng Tự Vũ (Deng Siyu 邓嗣禹) đã tuyên bố hùng hồn rằng tất cả nhóm đảo trên Biển Đông đều là lãnh thổ của Trung Quốc.¹⁰ Ông Đặng Tự Vũ cũng dựa trên một số tài liệu và bản đồ trước thế kỷ 19 để đưa ra lập luận của mình, trong khi đó, bài báo thứ hai của các tác giả Diệp Hán Minh (Ye Hanming 葉漢明) và Ngô Thụy Khanh (Wu Ruiqing 吳瑞卿) mang tính bao quát hơn và gồm các tài liệu Trung Quốc từ thế kỷ thứ nhất trở đi.¹¹ Bên cạnh nguồn tài liệu tham khảo ngày càng tăng, bài báo của ông Diệp Hán Minh và Ngô Thụy Khanh còn bao gồm bản sao của các bản đồ. Tác giả của bài báo thứ ba - trong *Thất thập niên đại* (*Qishi niandai* 七十年代) - Tề Tân (Qi Xin 齊辛) tập trung vào giai đoạn lịch sử thế kỷ 19, 20 và lý do vì sao Quần đảo Hoàng Sa đã là lãnh thổ của Trung Quốc từ rất lâu rồi. Cũng giống Đặng Tự Vũ, Tề Tân không đưa ra nhiều tài liệu của Trung Quốc thời đầu mà tập trung vào các chính sách thời hiện đại.¹² Hai bài báo của tờ *Minh Báo* có mục đích làm rõ cách thức mà các nhà nước phong kiến và hiện đại Trung Quốc đã nỗ lực kiểm soát các đảo ở Biển Đông và biến nơi này thành lãnh thổ của Trung Quốc (南海诸岛的主权归属). Có nhiều khả năng các tác giả của những bài báo này lấy động cơ viết bài từ việc Trung Quốc chiếm quần đảo Hoàng Sa và đuổi quân đội Việt Nam Cộng hòa thời gian trước. Ở thời điểm đó, do tương quan về khả năng quân sự của Trung Quốc yếu hơn nhiều so với Mỹ, cho nên lập luận lịch sử có lẽ là vòng phòng thủ đầu tiên nhằm chống lại nguy cơ can thiệp của Mỹ yểm trợ cho Việt Nam Cộng hòa.

Đi tìm Biển Đông trong các tài liệu tiền hiện đại: “Sử Đệ tổ” năm 1975

Trước sự xuất hiện bài báo của “Sử Đệ Tổ” trên tờ *Nhân dân Nhật báo* năm 1975, ông Thiệu Tuần Chính (Shao Xunzheng 邵循正)(1909-1972) đã nói trên *Nhân dân Nhật báo* hồi năm 1956 rằng một phần Biển Đông là lãnh thổ lịch sử của Trung

⁹ Vương Căng Kiệt (Wang Hengjie 王恒杰) (1932–1996) hỗ trợ các lập trường chính thức bằng việc biên soạn hai báo cáo về nghiên cứu khảo cổ tuyên bố sự hiện diện của Trung Quốc ở Hoàng Sa và Trường Sa trong khoảng hơn 2500 năm (Wang Hengjie 1992, 776-777) và hơn 2,000 năm (Wang Hengjie 1997, 68-69). Bài báo sau xuất hiện ngay sau đó. Năm 2012, Xu Yongjie và Fan Yiran đã đưa ra một bản tóm tắt về các cuộc nghiên cứu khảo cổ học ở các đảo ở phía Nam Trung Quốc Biển Đông. Về các bằng chứng khảo cổ học chưa chắc chắn ở các đảo phía Nam Trung Quốc, xem Lassere 1999. Một trong những vấn đề lớn đó là không có cách nào cụ thể xác định phương thức các đồ gốm, đồng xu và các di vật khảo cổ khác được đưa đến các đảo.

¹⁰ Deng Siyu 1974.

¹¹ Ye Hanming and Wu Ruiqing 1974.

¹² Qi Xin 1974

Quốc.¹³ Ông Thiệu Tuần Chính từng là một nhà nghiên cứu ở Viện Nghiên cứu Lịch sử Đệ Tam của Học viện Khoa học Trung Quốc (中国科学院第三历史研究所). Ông lý giải rằng những thực thể biển xuất hiện trong các nguồn tài liệu từ thời tiền hiện đại của Trung Quốc đã chỉ dẫn trực tiếp đến các nhóm đảo ở Biển Đông; ông Thiệu Tuần Chính tập trung vào khái niệm Thất Châu dương [*Qi zhouyang* 七洲洋 (bảy hòn đảo ở biển)], khái niệm được tác giả dùng để biểu thị quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa), và ông sử dụng thuật ngữ này ở rất nhiều tài liệu. Trong các tài liệu trước thế kỷ 20 mà ông tiến hành khảo sát gồm có *Nguyên sử* (Yuanshi 元史) của Sử Bật (Shibi 史弼); *Đảo di chí lược* (Daoyi zhilue 島夷志略) (1349; Lược thuật về những đảo hoang); *Tinh tra thắng lãm* (Xingcha shenglan 星槎勝覽) (khoảng năm 1436); Vũ Bị chí (Wubei zhi 武备志) (1621; ghi chép về quân trang và quân bị); *Hải ngữ* (Haiyu 海語) (giữa thời Minh; các cuộc đối thoại biển); *Hải quốc văn kiến lục* (Haiguo wenjian lu 海國聞見錄) (nửa đầu thế kỷ 18; Ghi chép về những gì nghe và thấy về các quốc gia biển); *Hải lục* (Hailu 海錄) (1820; các ghi chép về Biển). Vì vậy, ông xây dựng một nhận thức liên tục về Hoàng Sa từ năm 1292 cho đến cuối thời Thanh, và tiếp tục cho đến thời hiện đại.

Gần 20 năm sau, bài báo của “Sử Đệ tổ” đã cung cấp nhiều bằng chứng mang tính “lịch sử” hơn thể hiện chủ quyền của Trung Quốc trên Biển Đông nhằm bác bỏ việc miền Nam Việt Nam phản đối sự hiện diện của Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa. Kể từ năm 1975 khi Hoàng Sa bị coi là lãnh thổ của Trung Quốc sau chiếm đóng quân sự, bài báo mới có ảnh hưởng sâu rộng hơn về mặt lãnh thổ được yêu sách cũng như các nguồn tài liệu được trích dẫn. Với việc sử dụng các tài liệu lịch sử, “Sử Đệ tổ” lập luận rằng Trung Quốc hiển nhiên và luôn luôn có chủ quyền đối với quần đảo này (中国对南海诸岛的主权无可争辩)¹⁴. Bằng cách đó, “Sử Đệ tổ” lập luận thẳng thắn hơn các tác giả của các bài báo đã xuất bản trước đó ở Hong Kong, và có lẽ là vì việc Trung Quốc chiếm đóng Hoàng Sa chưa từng và sẽ không bao giờ bị thách thức quân sự¹⁵. Việc Trung Quốc khẳng định lấy lịch sử làm lập luận cho quyền của mình

¹³ Shao Xunzheng 1956. Ju Jiwu 鞠继武 1954 có một mục (từ 44-46) tập trung chủ yếu vào tài liệu ở thế kỷ mười chín và hai mươi.

¹⁴ “Chủ quyền không thể tranh cãi của Trung Quốc đối với các đảo ở Biển Đông”. Đây là tuyên bố được lặp đi lặp lại như thần chú trong các tuyên bố chính thức liên tiếp của Trung Quốc. Ví dụ, xem Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 1980; 1988; 2011; 2015; 2016

¹⁵ Trong khi Việt Nam là bên thách thức chính của Trung Quốc ở Biển Đông và Philippines đang quanh co trong quan hệ với Trung Quốc đặc biệt là dưới thời Tổng thống Duterte, các nước ASEAN vẫn giữ im lặng về vấn đề này. Như đã đề cập trước đó, Mỹ sử dụng hoạt động tự do hàng hải (FONOP) thách thức Trung Quốc, một số FONOP được tiến hành ở Hoàng Sa. Về FONOP của Mỹ cho đến năm 2017 xem thêm Standifer 2017.

trên Biển Đông tất nhiên nhằm hướng tới các nước Đông Nam Á xung quanh Biển Đông. Những quốc gia này không có bất cứ bằng chứng lịch sử nào để chứng minh và vì thế không thể thách thức được Trung Quốc. Ngoài ra, những luật lệ liên quan đến biển như Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982) tại thời điểm đó vẫn chưa được hình thành.

“Sử Đệ tổ” là bút danh của các thành viên trong Nhóm Địa lý Lịch sử của Viện Địa lý thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc (中国科学院地理研究所历史地理组) hay *Sử địa tổ* (shidizu 史地组) đồng tác giả của bài viết xuất hiện lần đầu tiên trên tờ *Quang Minh nhật báo* (Guangming ribao 光明日报) vào ngày 24 tháng 11 năm 1975 và được xuất bản ngay ngày sau đó trên tờ *Nhân dân Nhật báo*¹⁶. Rất nhiều tài liệu mà “Sử Đệ tổ” phân tích đã được Diệp Hán Minh và Ngô Thụy Khanh khảo cứu trước đó.

“Sử Đệ tổ” tận dụng hàng loạt các tài liệu cho phép họ mở mang nhận thức mang tính giả định của Trung Quốc về Biển Đông và các đảo ở Biển Đông trong khoảng hơn một nghìn năm. Những tài liệu này tạo nên một kho dữ liệu để những tác giả Trung Quốc sau này có thể tận dụng thường xuyên.¹⁷

Thay vì chỉ đơn thuần đưa ra tài liệu, “Sử Đệ tổ” phân các tài liệu thành từng loại khác nhau đưa ra bằng chứng cho việc đặt tên ban đầu các đảo, về hoạt động khai thác và canh tác trên thực tế và về cơ quan hành chính trong lịch sử qua các triều đại nối tiếp nhau của Trung Quốc. Điều này đã trở thành khuôn khổ chung cho các nỗ lực nghiên cứu quan trọng cũng như những tuyên bố chính thức cho đến thời điểm gần đây của các cơ quan chính phủ.

Các tài liệu lịch sử thỉnh thoảng được trích dẫn, nhưng nhìn chung “Sử Đệ tổ” không đưa ra bất cứ tham chiếu nào về vị trí trích dẫn chính xác. Tôi đã xác minh các trích dẫn trong tài liệu gốc và dịch lại những nguồn trên nhiều nhất có thể. Những cụm từ chính đóng vai trò quan trọng trong lập luận của Trung Quốc về Biển Đông là

¹⁶ Một bản dịch tiếng Anh xuất hiện vào ngày 12/12 như Shi 1975. Danh tính của ba tác giả được tiết lộ là: Li Baotian 李宝田, Song Lifu 宋力夫 and Zhu Dexiang 朱德祥. Zhu Zhenhai 朱振海, người đã đồng hành cùng ba tác giả trên, làm việc ở Phòng Địa Mạo (dimaoshi 地貌室) trong Viện Hàn lâm Khoa học. Các nhà chức trách có liên quan đã tặng thưởng cho những tác giả này vì những nỗ lực với cơ hội tiến hành nghiên cứu nhiều hơn về Hoàng Sa năm 1976. Năm 1977, “Sử Đệ tổ” đã có một bài báo cáo về chuyến đi này, Tây Sa hành 西沙行 ở *Địa lý tri thức* (Dili zhishi 地理知识) số 2 và 3. Tôi chưa tiếp cận tới các ấn phẩm này. Họ đã xuất bản các hồi ký liên quan đến vụ việc này vào năm 2010. Xem Sử Đệ tổ 2010. Li Baotian đã xuất bản một bài viết về việc kỷ niệm chuyến đi năm 1976 tới Hoàng Sa. Xem Li Baotian 2016.

¹⁷ Nơi đầu tiên trong số đó có lẽ là Nam sử tổ, Nghiên cứu sở của Đại học Hạ Môn (厦门大学南洋研究所南史组) 1975. Bài báo đầu tiên của họ, được lưu ở Nam sử tổ (Nanshizu 南史组), ngày 1/12, 1975.

trường hải (zhanghai 涨海) (biển nguy hiểm), *thạch đường* (shitang 石塘) (bãi đá), *vạn lý thạch đường* (wanli shitang 万里石塘) (bãi đá vạn dặm), *vạn lý thạch đường tị* (wanli shitang yu 万里石塘屿) (bãi đá nhỏ vạn dặm), *trường sa* (changsha 长沙) (bờ cát), *vạn lý trường sa* (wanli changsha 万里长沙) (bờ cát mười nghìn dặm), *thất châu dương* (qizhouyang 七洲洋/七州洋) (bảy hòn đảo ngoài biển), *Cửu Nhũ Loa châu* (Jiuruluozhou 九乳螺洲) (Quần đảo Cửu Nhũ Loa)¹⁸, v.v.... Vì những nơi đó có tên bằng tiếng Hoa, Trung Quốc nước này mặc định những thực thể này là lãnh thổ của họ theo quy tắc “người đặt tên là người sở hữu”. Các nguồn tài liệu mà “Sử Đệ tổ” tham khảo bao gồm các bản ghi chép chính thức và không chính thức về các triều đại, các bản ghi chép chuyên đi, công báo địa phương, sách hướng dẫn hành trình, bản đồ, các bài báo cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sách hướng dẫn hàng hải của Anh.

Nguồn tài liệu tham khảo

Sau đây tôi sẽ xử lý các nguồn trích dẫn tiền hiện đại của Trung Quốc mà “Sử Đệ tổ” đề cập đến cho đến đầu thế kỷ XIX. “Sử Đệ tổ” đã đưa ra các nguồn tham khảo dưới hai tiêu đề chính, đầu tiên là “Lịch sử lâu đời về phát kiến địa lý” (历史悠久的地理发现) và thứ hai “Sự khai phá cần mẫn, liên tục không ngừng” (持续不断的辛勤开发). Tiếp nối hai đề mục này là một mục có tên “Quản lý hành chính của các chính quyền Trung Quốc trong lịch sử đối với các đảo trên Biển Đông” (我国历代政府对南海诸岛的行政管辖)¹⁹, mục này sử dụng nhiều tài liệu lịch sử hơn. Bài báo kết luận bằng một mục có tên “Lãnh thổ thiêng liêng bất khả xâm phạm” (神圣领土不容侵犯) tập trung chủ yếu vào các yêu sách của Trung Quốc trên Biển Đông vào thế kỷ hai mươi. Những tài liệu chủ yếu bao gồm các bài viết tạp chí và biểu đồ từ giai đoạn sau của thế kỷ XIX và những thập niên đầu của thế kỷ XX ở mục hai và bốn đã được Bill Hayton xử lý rồi và tôi muốn cung cấp thêm cho người đọc những phân tích chi tiết của ông về chủ đề này.²⁰ Ở phần sau, tôi sẽ đề cập đến các nguồn tài liệu lịch sử xuất hiện ở mục một, hai và ba.

¹⁸ Tôi vẫn chưa tìm được một bản dịch phù hợp với thuật ngữ này. “Cửu Nhũ Loa Châu” là một lựa chọn có xem xét đến giả định của “Sử Đệ tổ” về các rặng san hô ngầm. Một lựa chọn khác là xem xét *Cửu Nhũ Loa* như cụm từ thông thường chỉ đá và các bãi đá.

¹⁹ Đề mục này có thể được lấy cảm hứng từ một bài báo có tiêu đề và lập luận tương tự. Xem Lin Ronggui 1990.

²⁰ Xem Hayton 2014, đặc biệt từ trang 29-60, và gần đây nhất Hayton 2018a và 2018b.

Lịch sử lâu đời về phát kiến địa lý

Loạt bằng chứng bằng tài liệu đầu tiên dưới tên đề mục bắt đầu với *Hậu Hán thư* (*Hou Hanshu* 后汉书) (Lịch sử của triều hậu Hán) của Tạ Thừa (Xie Cheng 谢承) (khoảng thế kỷ 3) là những mảnh rời rạc. “Sử Đệ tổ” đề cập đến một mục trong tài liệu được lưu trữ ở bách khoa toàn thư *Thái Bình ngự lãm* (*Taiping yulan* 太平御览) thời kỳ đầu nhà Tống (938; Tài liệu dành cho Vua Tống đọc trong thời kỳ có niên hiệu Thái Bình):

Trần Mậu (Chen Mao 陈茂)²¹, từ Nhữ Nam (Runan), từng là người hộ tống/ tùy tùng thân cận (biệt giá - biejia) ở Giao Chỉ, nơi tương tự như Thích Sử Hành Bộ ngày trước (*jiu cishi xingbu* 旧刺史行部) và ông ta không thể băng qua trưởng hải (*zhanghai*). Khi Chu Sưởng (Zhou Chang 周敞) ra khơi, gió nổi lên và có nguy cơ đánh sập thuyền, Trần Mậu rút thanh gươm trong tay, quở trách thủy thần và ngay lập tức gió lặng xuống.²²

Cách đoạn văn này kể về việc quản lý Biển Đông, như “Sử Đệ tổ” đã nói, vẫn chưa được làm sáng tỏ. Đoạn văn này kể về một hành trình khó khăn ra biển nhưng không trở thành một bằng chứng thuyết phục cho việc “tuần hành” (*xunxing* 巡行) trên biển.²³ Thay vào đó, cụm danh từ nguyên gốc “Thích Sử Hành Bộ” (*cishi xingbu* 刺史行部) đã bị chuyển thành cụm từ “tuần hành trên biển dữ” (hành bộ trưởng hải) (*xingbu zhanghai* 行部涨海) qua việc lý giải lại từ *hành bộ* (*xingbu* 行部) như một động từ thay vì chức năng gốc của từ này là một phần của danh từ chính thức.

Những tác giả sau này như Nam Minh Tử (Nan Mingzi 南溟子)²⁴ đã lựa chọn một phần khác của *Hậu Hán sử* của bách khoa toàn thư *Sơ học ký* (*Chuxueji* 初学记) thời Đường (nửa đầu thế kỷ 18):

Các cống nạp từ bảy trưởng đoàn của Giao Chỉ được gửi qua trưởng hải²⁵.

²¹ Chen Mao giúp đỡ Zhou Chang, hoàn thiện Yuzhou ở Trung Quốc người đã bổ nhiệm ông làm tùy tùng. Xem *Thái Bình ngự lãm* 263.1b (tr. 1230).

²² *Thái Bình ngự lãm* 60.1b (tr. 287).

²³ Tuy nhiên Jianming Shen tuyên bố chính xác như vậy bằng việc thay đổi sơ qua văn bản gốc để đọc là hành bộ trưởng hải (*xingbu zhanghai* 行部涨海) và dịch cụm này là “cuộc khảo sát và tuần hành của thủy quân đến các đảo ở Biển Đông”. Xem Shen 1997, 18.

²⁴ Nan Mingzi là bút danh của nhà sử học Chen Jiarong 陈佳荣. Bài báo trong câu hỏi là Nan Mingzi n. d. Ở trong phiên bản gốc của bài báo – Chen Jiarong 1982 – Chen đã không đề cập tới *Hậu Hán thư*.

²⁵ *Sơ học ký* 6.115.

Trích dẫn này cho rằng phía Bắc Việt Nam (Giao Chỉ) là lãnh thổ dưới quyền của Trung Quốc và ám chỉ rằng vùng biển giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc phải là của Trung Quốc.

Tài liệu tiếp theo, *Nam Châu dị vật chí* (Nanzhou yiwu zhi 南州异物志) do Vạn Chấn (Wan Zhen 万振) chủ biên trong suốt giai đoạn Tam quốc (thế kỷ thứ ba) được trích dẫn trong *Thái Bình ngự lãm* như sau:

Đi thuyền từ hướng Tây Nam đến Đông Bắc, sẽ thấy những ghềnh đá lớn nổi lên từ trường hải. Ở đó nước nông và có nhiều khe đá.²⁶

Lời giải thích được đưa ra ở đây là cho cụm từ mô tả các bãi chìm và đá chìm mà các tàu mắc phải trong hành trình từ Đông Nam Á tới phía Nam Trung Quốc. Với “Sử Đệ tổ”, cụm đó chứng minh cho “[việc Trung Quốc là nước] đầu tiên phát kiến và mô tả về các đảo ở Biển Đông”. Tuy nhiên, thông tin còn mập mờ, nguồn tham khảo này từ *Nam Châu dị vật chí* đã được bổ sung trong các ấn phẩm sau, thậm chí là ủng hộ hoàn toàn *Dị vật chí* (Yiwu zhi 异物志)(Ghi chép về những chuyện lạ) của Dương Phù (Yang Fu 杨孚) từ thời Hậu Hán (25-220 CN).²⁷ Lý do khả thi nhất cho sự thay đổi này là *Dị vật chí* đã có trước *Nam Châu dị vật chí* vài thập kỷ.²⁸ *Dị vật chí* cho rằng:

Có những hòn đá gồ ghề ở trường hải, nước nông và có nhiều khe đá. Người nước ngoài (kiểu ngoại nhân) (jiaowairen 徼外人[徼外人 – tác giả viết nhầm Hán tự]) đi vào trên các tàu lớn có mạn tàu bằng kim loại. Khi tới các eo biển, những tàu này không thể đi qua vì các tảng đá có lực từ.²⁹

Đoạn này nhấn mạnh đến việc va vào các bãi cạn và đá là không thể tránh khỏi khi đi tàu vào vùng chưa được khám phá. Điều đó ám chỉ rằng giao thông trên biển từ phía tây nam đến đông bắc không phải do người Trung Quốc, mà là “người nước ngoài”, có thể hầu hết là người Đông Nam Á. Những người nước ngoài này đã cảnh báo người Trung Quốc về những nguy hiểm khi thực hiện các chuyến hành trình tương tự bằng qua biển bằng thuyền. Ở bất cứ trường hợp nào, việc đề cập đến các trở ngại ở vùng biển chưa được xác định là rất khó chấp nhận như là nhận thức ban đầu

²⁶ *Thái Bình ngự lãm* 790.7b (tr. 3501).

²⁷ Xem, ví dụ, Hàn Chấn Hoa 1988, 23; Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2000; Trung Hoa Dân quốc năm 2016.

²⁸ Ye/Wu năm 1974, 10, cũng đề cập đến *Yiwu zhi*. Nếu “Sử Đệ tổ” tiếp cận đến bài báo này, có lẽ họ đã khai thác bài báo này do tính lâu đời của bài này với *Nanzhou yiwuzhi*.

²⁹ *Yiwu zhi*, 3. Chú thích cụm từ liên quan từ *Yiwu zhi*, được trích dẫn trong *Zhengde Qiongtai zhi* 正德琼台志 42.14b, khác một chút so với cụm từ trong bài đã chỉnh sửa của *Yiwu zhi*.

của người Trung Quốc về các đảo ở Biển Đông. Trong yêu sách trên Biển Đông bằng tiếng Anh vào ngày 17 tháng 11 năm 2002, Bộ Ngoại Giao đã dịch *trường hải kỳ thủ* (zhanghai ritou 涨海崎头) là “các đảo, đá, bờ cát và bãi biển ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông”.³⁰ Yêu sách này tiếp tục cho rằng *kỳ thủ* là một thuật ngữ chung được Trung Quốc sử dụng nhằm đề cập đến “tất cả các đảo, đá, bãi cạn và đảo nhỏ ở Biển Đông, bao gồm Trường Sa và Hoàng Sa”. Lời giải thích trên cũng được sử dụng cho phiên bản tiếng Trung Quốc của yêu sách nước này ngày 22 tháng 11 năm 2002.³¹ Bản dịch tiếng Anh có phần thiên lệch nhằm thuyết phục dư luận nước ngoài rằng những yêu sách của Trung Quốc là chính đáng. Ngoài ra, bản dịch còn làm rõ thêm nghĩa của từ “kỳ thủ” là nhằm gộp tất cả các thực thể nổi khi thủy triều cao cũng như các bãi cạn lúc chìm lúc nổi ở Biển Đông. Như vậy, đó là một thuật ngữ bao trùm tất cả các đảo và bãi chìm mà Trung Quốc thềm muốn. Liệu có ai còn có thể lập luận hoặc tranh luận với “bằng chứng lịch sử” này nếu thiếu hiểu biết tiếng Trung Quốc?³²

Jianming Shen đã đưa ra một bản dịch thậm chí còn mập mờ hơn về đoạn văn trong bản *Nam Châu dị vật chí* ở *Thái Bình ngự lãm*³³:

Có các đảo nhỏ, bãi ngầm và đá ở Biển Đông và vùng nước ở đó thì nông và đầy các đá có từ trường. Các thủy quân khi đi tuần tra dùng thuyền lớn có vỏ sắt; khi đến khu vực này, do những bãi đá từ trường họ không thể tiến xa hơn.³⁴

Jianming Shen đã chuyển từ cách gọi các đá thành “các đảo nhỏ, bãi cạn, đá và bờ cát”³⁵; “trường hải” thành Biển Đông; và người nước ngoài thành “các thủy quân khi đi tuần tra”³⁶. Bằng việc thay đổi thứ tự của các ký tự *kiểu ngoại nhân* (jiaowairen) thành *ngoại kiểu nhân* (wajiaoren), ông đã chuyển cách gọi người nước ngoài từ “người ngoài biên giới” (kiểu ngoại - jiaowai 徼外) thành các thủy quân “tuần hành ở biên giới” (ngoại kiểu - wajiao 外徼). Ông cũng thay đổi từ *bạc* (bo 舶) vốn có nghĩa là một loại tàu có nguồn gốc từ Đông Nam Á³⁷ thành từ *thuyền* (chuan 船). Qua đó,

³⁰ Bộ Ngoại giao Trung Quốc năm 2000.

³¹ Zhonghua renmin gongheguo wajiaobu 2000.

³² Ấn bản đầu tiên bằng tiếng Anh kể từ nửa sau những năm 1970 đã chấp nhận yêu sách lịch sử của Trung Quốc và trở thành tài liệu được trích dẫn trong các nghiên cứu sau này. Xem Hayton 2018b, 4.

³³ *Taiping yulan* 988.3a (tr. 4372).

³⁴ Shen Jianming 2002, 113-114.

³⁵ Trong Shen Jianming năm 1997, 18, thuật ngữ *kỳ thủ* giải thích tất cả các nghĩa này.

³⁶ Trong bài báo đầu tiên Shen đã dịch không càng sai lệch đoạn: “các quan chức làm nhiệm vụ tuần tra đi thuyền lớn đã đổi sang đi thuyền nhỏ để đến được vùng này[...]” Xem Shen 1997, 19.

³⁷ Manguin 1980, 274

ông chuyển từ tàu nước ngoài thành tàu Trung Quốc, thay sự quan sát của các thủy thủ nước ngoài thành quan sát của thủy thủ Trung Quốc. Vì thế, Jianming Shen đã biến tài liệu trên phục vụ việc mô tả bối cảnh mà trong đó các thủy quân Trung Quốc đang ở một vùng biển do Trung Quốc kiểm soát, bỏ đi nghĩa gốc vốn thể hiện việc các thủy thủ của Đông Nam Á đã đi qua một vùng biển mở. Các tàu này có các lớp vỏ sắt bảo vệ nếu bị va vào đá. Từ trường của đá phản ánh việc va chạm với đá là không thể tránh khỏi và các tàu được tăng cường với vỏ kim loại không phải bị dừng lại do từ trường mà bởi không có cách nào vượt qua các vật cản.³⁸

Phù Nam truyện (Funan zhuan 扶南传) (Ghi chép về Phù Nam; hay còn gọi là: Ngô thời ngoại quốc truyện *Wu shi waiguo zhuan* 吴时外国传) là bản ghi chép của Khang Thái (Kang Tai 康泰) và Châu Ứng (Zhu Ying 朱应) về hành trình tới Phù Nam của họ (phía Nam Việt Nam ngày nay) vào thế kỷ thứ ba. Chỉ có những mảnh ghi chép rời rạc còn giữ trong các nguồn trích dẫn ở bách khoa toàn thư ở giai đoạn Đường và Tống. Những ghi chép này được Trần Giai Vinh (Chen Jiarong 陈佳荣) biên tập và xuất bản.³⁹ Đoạn văn ngắn có liên quan được trích dẫn từ bản gốc ở *Thái Bình ngự lãm* có nội dung như sau:

Ở vùng trướng hải, người ta sẽ gặp các *san hô châu* (shanhuzhou 珊瑚洲)⁴⁰ nơi mà san hô mọc trên đá.⁴¹

Theo “Sử Đệ tổ”, đoạn văn này cho thấy rằng thủy thủ Trung Quốc thời xưa có “nhận thức khá chính xác” (相当精确的认识) về hình dạng và cấu trúc của các đảo ở Biển Đông. Vị trí của các đảo san hô này chỉ là thứ yếu, vì *trướng hải* ở đoạn trích trong “Sử Đệ tổ” là Biển Đông. Là một trong những thuật ngữ quan trọng trong lập luận của Trung Quốc, các học giả Trung Quốc đã liên tiếp và nhấn mạnh rằng *trướng hải* chính là Biển Đông.

Roderich Ptak đã chỉ ra rằng trước đó, nghĩa cuối cùng trong việc giải thích thuật ngữ *trướng hải* chưa được tìm ra, và tranh luận vẫn đang tiếp tục.⁴² Trong các

³⁸ Các thủy thủ chỉ cuối thế kỷ 19 mới có nhiều thông tin cụ thể hơn về vị trí các bãi cạn, đảo san hô, bãi đá ngầm. Cho đến lúc đó, các thuyền theo sau một lộ trình biển đã được thiết lập trước đó dọc theo các bờ biển Đông Nam Á. Xem Minh Hà Phạm 2016.

³⁹ Chen Jiarong 2006

⁴⁰ *San Hô châu* là một thuật ngữ mập mờ khác dù chưa được xác định vẫn được các tác giả Trung Quốc thời hiện đại dùng để đề cập tới các đảo ở Biển Đông. Xem tham khảo Liu Nanwei 1996, 13-14.

⁴¹ *Thái Bình ngự lãm* 69.3b (327). Cũng có thể xem Hàn Chấn Hoa năm 1988, 25. Về các rặng san hô xem Ptak 1990.

⁴² Ptak 2007, 236.

nguyên cứu ban đầu của Ptak về thuật ngữ này, ông đã giải thích rằng *trường hải* - một thuật ngữ mà ông không dịch ra nghĩa nào khác ngoài “biển Trường” (“Zhang Meer”) - là thuật ngữ dùng để mô tả vùng biển ngoài Quảng Đông, bao quanh Đảo Hải Nam, và Vịnh Bắc Bộ.⁴³ Cuối cùng, thuật ngữ này bao gồm hầu hết vùng biển từ Quảng Đông đến Ấn Độ Dương. Như vậy, *trường hải* không nhất thiết là đề cập tới một vùng biển đã xác định chắc chắn mà là một thuật ngữ mập mờ cho một vùng biển không xác định.

“Sử Đệ tổ” không đưa ra bất cứ một nguồn trích dẫn nào để giải thích cho việc đặt tên của Trung Quốc cho Biển Đông hoặc bất cứ thực thể nào khác ở đó giai đoạn giữa thời Tam Quốc và thời Đường (từ thế kỷ 3 đến thế kỷ 10); thiếu tài liệu cho giai đoạn này, “Sử Đệ tổ” chuyển sang thời đại nhà Tống.⁴⁴ Lý do chính khi đề cập đến *Bình Châu khả đàm* (Pingzhou ketan 萍洲可談) (đầu thế kỷ 12) của Chu Úc (Zhu Yu 朱彧) là do đây là một trong những tài liệu đầu tiên mô tả việc đi thuyền có sử dụng la bàn. Mặc dù việc sử dụng la bàn tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều hướng trên biển, nhưng “Sử Đệ tổ” giải thích rằng các thủy thủ không xác định được các vị trí đó. Vì không có đảo, rạn san hô hay đá nào được đề cập ở *Bình Châu khả đàm*, “Sử Đệ tổ” đã liên hệ đến *Lĩnh ngoại đại đáp* (Lingwai daida 岭外代答) (1178) của Châu Khứ Phi (Zhou Qufei 周去非) (?-sau 1178).

“Sử Đệ tổ” đã cho rằng các tài liệu ở thời Tống đã thể hiện “nhận thức địa lý” (地理认识), “địa hình của đáy biển” (海底地形的概貌), và “đặt tên chính thức cho các đảo ở Biển Đông”. Đoạn trích từ *Lĩnh ngoại đại đáp* mà “Sử Đệ tổ” dẫn ra - ở dạng chữ giản thể - như sau:

Ở đại dương rộng lớn phía đông là một bãi cát dài và bãi đá mở rộng khoảng vài chục ngàn dặm.⁴⁵

⁴³ Xem thảo luận chi tiết về thuật ngữ *trường hải* tại Ptak 2004.

⁴⁴ Ye and Wang năm 1974 đã thể hiện *Guangzhou tonghai yidao* 广州通海夷道 (Các tuyến đường biển từ Quảng Châu tới nước ngoài), biên soạn bởi Jia Dan 贾耽 (730–805) là nguồn tham khảo chính thức từ thời nhà Đường. Mô tả tuyến đường từ Quảng Đông tới các nước Đông Nam Á, có trong *Tân Đường Thư* (1060) 43A.1153. Hàn Chân Hoa đã cố bổ sung cho thiếu sót của thời Tùy-Đường. Trong số các tác phẩm mà ông đề xuất là *Tùy Thư Suishu* 隋书 (656; Lịch sử chính thức về nhà Tùy), bao gồm bản ghi chép về việc đi lại thường xuyên đến Hoàng Sa mà ông nghĩ có tên là Jiaoshishan 礁石山, rằng *Tongdian* 通典 (801) đã ghi nhận các giới chức đi thuyền qua Hoàng Sa (Jiaoshishan), và các tuyến đường hàng hải từ Quảng Châu ra bên ngoài (*Guangzhou tonghai yidao*) đã đánh dấu Hoàng Sa với tên gọi *Xiangshi* 象石. Xem thêm Hàn Chân Hoa 1988, 29-31.

⁴⁵ Ye and Wu đã trích dẫn (*sanhelio* 三合流), nhưng cuối cùng vẫn đi đến kết luận giống “Sử Đệ tổ”. Xem thêm Ye/Wu năm 1974, 11.

Bãi cát và bãi đá trong đoạn văn trên là những mô tả về các đảo Biển Đông. Ngữ cảnh của phần trích dẫn như sau:

Nghe nói rằng ở phía đông đại dương, có bãi cát và bãi đá kéo dài khoảng hàng vạn dặm nơi nguồn nước chảy ra tại Weilü⁴⁶ và đổ vào chín vực sâu.⁴⁷

Các trích dẫn ngắn che giấu sự mơ hồ của bản gốc. Thay vì mô tả một cách chắc chắn các đảo ở Biển Đông và gọi chúng bằng tên chính thức, *Lĩnh ngoại đại đáp* chỉ nhắc lại những đồn đoán về trở ngại đối với việc lưu thông trên biển. Sau khi “Sử Đệ tổ” đã khẳng định những trở ngại này như các chỉ dẫn về các đảo ở Biển Đông, việc gán ghép các ghi chép lịch sử để ủng hộ giả định này là dễ nhận ra. Giả định vẫn còn để ngỏ cho xác minh sau này, chẳng hạn như trong trường hợp bãi cát dài.⁴⁸

Quỳnh Quán chí (Qiongguan zhi 琼管志), rất có thể được biên soạn trong giai đoạn đầu Nam Tống, đã không còn tồn tại hoặc chỉ sót lại một vài mảnh vụn. Đối với “Sử Đệ tổ”, văn tự trên đề cập rõ ràng đến các quần đảo trên Biển Đông với các chỉ dẫn “Thiên lý Trường Sa - Vạn lý Thạch Đường” (qianli changsha wanli shitang 千里长沙万里石塘). Hơn nữa, “Sử Đệ tổ” đã cung cấp “mô tả về các thực thể địa lý và tình hình hàng hải trên Biển Đông” (描述了这个海域的地理特征和航海情况). *Dư địa ký thắng* 輿地纪胜 (Ghi chép về những nơi nổi tiếng), một chuyên luận địa lý được biên soạn bởi Vương Tượng Chi (Wang Xiangzhi 王象之) (tồn tại vào khoảng năm 1196 – sau năm 1221) thời Nam Tống, trích dẫn *Quỳnh Quán chí* trong mục dẫn nhập vào Cát Dương quân (Jiyang Jun 吉阳军) trên đảo Hải Nam như sau:

Ngoài biên giới (của Cát Dương) có những hòn đảo gọi là Ô Lý (Wuli 乌里), Tô Mật (Sumi 苏密) và Cát Lang (Jilang 吉浪) đang đối mặt với Chiêm Thành. Phía tây (của Cát Dương) là Chân Lạp và Giao Chỉ, và phía Đông là thiên lý trường sa và vạn lý thạch đường. Rộng lớn và vô tận từ trên xuống dưới, chúng kéo dài hàng nghìn dặm [...].⁴⁹

⁴⁶ Đây là trích dẫn từ *Zhuangzi* 庄子, “Qiushui” 秋水. See <https://ctext.org/zhuangzi/floods-of-autumn/zh>, accessed November 6, 2018. Tôi đã sử dụng bản dịch của Burton Watson. Xem: <https://terebess.hu/english/chuangtzu1.html#17>, accessed November 6, 2018.

⁴⁷ *Lingwai daida jiaozhu*, 36.

⁴⁸ Yang Wuquan 杨武泉, biên tập viên ngày nay của *Lingwai daida*, giải thích rằng thuật ngữ này biểu thị cả Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trung Sa. Xem: *Lingwai daida jiaozhu*, 37.

⁴⁹ *Dư địa ký thắng* 127.3b (p. 3622). Lưu ý rằng Su Jiqing không đề cập chính xác đến *juan* 27 của *Dư địa ký thắng* trong bài bình luận của mình với *Đảo di chí lược* là nơi mà Qiong Guan zhi được trích dẫn trên Vạn lý thạch đường. Xem thêm thảo luận về nguồn này trong Ptak 1997, 165, footnote 14.

Trong trích dẫn của “Sử Đệ tổ”, hai thuật ngữ trong *Quyển quản chí* là tên gọi thực tế của tất cả các đảo Biển Đông thay vì những mô tả mơ hồ về các mối nguy hàng hải. “Sử Đệ tổ” đề xuất rằng các bản đồ hàng hải được sản xuất vào cuối thế kỷ thứ mười ba đã phản ánh kiến thức này.⁵⁰ Việc “Sử Đệ tổ” đặc biệt tập trung vào một bản đồ hoặc các bản đồ do Triệu Nhữ Quát (Zhao Rukuo 赵汝适) (1165? - sau năm 1225) đề cập tới những cái mà ông có thể tiếp cận được.

Triệu Nhữ Quát, tác giả của *Chư Phiên chí* (Zhufan zhi 诸蕃志) (Ghi chép về những phiên quốc), đã từng là tuần phủ tại Quảng Châu, Phúc Kiến. *Chư Phiên chí* dựa trên thông tin được cung cấp bởi các thủy thủ, là một trong những tài liệu đầu tiên đề cập đến các chỉ dẫn “mới” về Thiên lý trường sa 千里长沙 (bờ cát ngàn dặm) và Vạn lý thạch đường 万里石塘 (bãi đá vạn dặm). Ptak đề xuất rằng cả hai thuật ngữ có thể là tên gọi chung cho bãi cát và bãi đá, và không liên hệ đến bất kỳ đảo hoặc nhóm đảo cụ thể nào. Đối với ông, cho dù *trường sa* và *thạch đường* đề cập đến bất cứ điều gì, chúng chắc chắn không đương nhiên thuộc quyền cai trị của các triều đại Tống, Nguyên hay Minh. Tương tự, ông khẳng định rằng không có bằng chứng nào chứng minh cho sự quản lý của Trung Quốc được tìm thấy trong các nguồn có liên quan.⁵¹

Triệu Nhữ Quát đã giới thiệu trong lời nói đầu của *Chư phiên chí* về Thạch sàng (shichuang 石床) và Trường sa (changsha 长沙) được đánh dấu trên bản đồ hoặc tập bản đồ *chư phiên đồ* (zhufantu 诸蕃图 - Bản đồ về các phiên quốc). Tuy nhiên, cụ thể là bản đồ nào thì không rõ ràng. “Sử Đệ tổ” coi *chư phiên đồ* như một tài liệu tham khảo về Bản đồ biển lâu đời nhất (这张最古老的海图) với sự chỉ dẫn về những mối nguy hiểm của Thạch sàng và Trường sa. Nguyên văn đoạn lời nói đầu của *Chư phiên chí* như sau:

Sau khi Triệu Nhữ Quát được lệnh đến đây, ông đã đọc một bản đồ của các phiên quốc trong thời gian rảnh rỗi. Ông đã kiểm tra các ghi chép khác về sự nguy hiểm của Thạch sàng và Trường sa, và giới hạn của Giao Dương (Jiao yang 交洋) và Trúc Tự (Zhuyu 竺屿) (mà bản đồ đề cập), nhưng chúng không có gì trên đó.⁵²

⁵⁰ Hsu 1988, 96-97, giải thích rằng không có bản đồ nào trong giai đoạn được đề cập là còn tồn tại. Việc xác định các thực thể trong văn bản được để lại cho Lin Jinzhi, người đề xuất rằng vào thời Tống, *Trường sa* đã chỉ định Quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và *Thạch đường* là Quần đảo Nam Sa (Trường Sa). See Lin Jinzhi 1979, 102.

⁵¹ Xem Ptak 1997, 161-165.

⁵² “Zhao Rukuo xu” 赵汝适序, trong Zhufan zhi jiaoshi, 1. Cf. phần “dịch” của Jianming Shen: “Khi tôi hỏi liệu họ có ghi chép của những người ở phiên quốc không, họ không có [...]” Shen đã thay đổi chủ đề từ các ghi

Trong khi không thể xác định được nguồn gốc của Thạch sàng và Trường sa, Giao dương và Trúc Tự có thể là một tham chiếu trực tiếp đến một mục trong *Lĩnh ngoại đại đáp*.⁵³ Mục này mô tả chuyến đi từ Srivijaya trên đảo Sumatra đến miền nam Trung Quốc qua Giao Dương và Trúc Tự⁵⁴. Các ghi chép của Triệu Nhữ Quát trong việc tìm kiếm vị trí của Thạch sàng và Trường sa đã không cung cấp bất kỳ thông tin liên quan nào.

Cẩm nang quân sự *Vũ kinh tổng yếu* (Wujing zongyao 武经总要) (1044) của Tăng Công Lượng (Zeng Gongliang 曾公亮) (998-1078) có nhắc đến cụm từ Cửu Nhũ Loa Thạch (Jiuruluoshi 九乳螺石) trong phần mô tả những chuyến hải hành từ Quảng Châu ở Quảng Đông, có lẽ là về phía nam:

Từ Truân Môn Sơn (Tunmenshan 屯门山) tận dụng gió đông, người ta tới Cửu Nhũ Loa Thạch sau khi đi theo hướng tây nam trong bảy ngày. Sau ba ngày nữa, người ta đến đảo Chiêm Bất Lao Sơn (Zhanbulao shan 占不劳山) (bình luận: trên biên giới của nước Hoàn Châu 环州国).⁵⁵

Đối với “Sử Đệ tổ”, việc có nhiều rạn san hô chìm ở quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) là lý do tại sao *Vũ kinh tổng yếu* gọi chúng bằng tên gọi Cửu Nhũ Loa Thạch. “Sử Đệ tổ” đã củng cố quan điểm của họ bằng một bản đồ trong *Dương phòng tập yếu* (Yangfang jiyao 洋防辑要) (Tóm tắt về phòng thủ hàng hải, xem Bản đồ 2) của Nghiêm Như Tập (Yan Ruyi 严如熠) (1759 - 1826).⁵⁶ Được cho là bản đồ *Quảng Đông dương đồ* (*Guangdong yang tu* 广东洋图)- được xuất bản vài trăm năm sau *Vũ kinh tổng yếu* - phản ánh nhận thức của nhà Tống khi đặt Cửu Nhũ Loa Châu (Jiuruluozhou 九乳螺洲) ở vị trí của quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa)

chép thành một từ vô danh, và thay thế chủ đề, các thực thể và vùng biển, thành những người của phiên quốc. Do đó, Shen đã giúp Zhao Rukuo thực sự sở hữu một bản đồ cho thấy *Thạch sàng* và *Trường sa*. Xem Shen Jianming 2002, 118.

⁵³ Lingwai daida jiaozhu, 126

⁵⁴ Giao dương có lẽ được xác định với vùng biển miền bắc Việt Nam (Giao Chỉ). Về biển Giao Chỉ, xem Li Tana 2006a và Li Tana 2006b. Zhuyu trình bày một vấn đề cho các nhà bình luận ngày nay. Ví dụ, Hàn Chấn Hoa 韩振华 tin rằng đó là Borneo trong khi Zhen Binghua 甄炳华 cho rằng đó là Pulau Aur ngoài khơi bờ biển phía Đông của bán đảo Malaysia. See Hàn Chấn Hoa 1984, 88, and Zhen Binghua 2014, 87.

⁵⁵ Vũ kinh tổng yếu 21.16a-b (pp. 1055-1056). *Truân môn sơn* rất có thể đề cập đến một cuộc bao vây trong triều đại nhà Đường ở quận Bảo An (Baonan xian 宝安县) để bảo vệ chống lại cướp biển. Trong triều đại nhà Tống, Tunmen shan cũng được gọi là Tunmen 屯门. Zhanbulao shan có thể nói đến một chuỗi những vùng đất nhỏ tên là Cù Lao Chàm ngoài khơi Việt Nam gần Đà Nẵng. Hoàn Châu có thể là một nước trong khu vực đó, và cái tên có lẽ đề cập đến Champa.

⁵⁶ Yangfang jiyao 1.8a (27).

(在西沙群岛的位置上). Bản đồ chắc chắn không được thực hiện theo đúng tỷ lệ và do đó không thể xác định chính xác vị trí của các rạn san hô và bãi cát.⁵⁷



Bản đồ 2 Dương phòng tập yếu 1.8a (27), “Quảng Đông dương đồ”

Mộng lương lục (Mengliang lu 梦梁录) của Ngô Tự Mục (Wu Zimu 吴自牧) (khoảng năm 1256 - sau năm 1334), theo “Sử Độ tổ”, là tài liệu cổ nhất nhắc đến thuật ngữ Thất Châu Dương (Qizhouyang 七洲洋) giống như Cửu Nhũ Loa Thạch/ Châu

⁵⁷ Để đặt Cửu Nhũ Loa châu ở quần đảo Hoàng Sa, Hàn Chấn Hoa đã diễn giải lại các tài liệu có sẵn và tính toán lại khoảng cách và thời gian đi thuyền. Hàn Chấn Hoa đã nói Thất Châu Dương 七洲洋 gần đảo Zhanbulao, khác với quần đảo Thất Châu dương 七洲洋 mà những người khác đã xác định là quần đảo Đông Sa. Do đó, Cửu Nhũ Loa Châu bị biến thành quần đảo Hoàng Sa. Xem Hàn Chấn Hoa 1981, 5.

được cho là đã chỉ Quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa).⁵⁸ “Sử Đệ tổ” kết luận rằng các văn bản từ thời Tống là bằng chứng cho thấy

[...] nhận thức của bình dân Trung Quốc về địa hình Biển Đông trong thế kỷ thứ mười ba đã tiến bộ (早在十三世纪我国劳动人民已对南海的地形有了进一步的了解).⁵⁹

“Sử Đệ tổ” tin rằng *Nguyên Sử* của Sử Bật, một viên chỉ huy Mông Cổ trong lực lượng đã tấn công bắt thành vào Java năm 1292, là bằng chứng cho thấy hạm đội Trung Quốc đã đi qua các đảo ở Biển Đông (已经遍历南海诸岛). “Sử Đệ tổ” mô tả các chuyến hải hành⁶⁰ như sau:

Khởi hành từ Quảng Châu [...] họ đi ngang qua Thất Châu Dương và Vạn lý thạch đường, và sau đó đến lãnh thổ Giao Chỉ (miền Bắc Việt Nam) và Chiêm Thành (miền Trung Việt Nam).

Đây không phải là bằng chứng cho thấy các tàu đi qua khu vực; thay vào đó, đoạn trích nói rõ rằng một thủy thủ khôn ngoan sẽ tránh các hòn đảo, bãi cát và đá không chỉ là Thất Châu Dương, mà còn có thể là Vạn lý thạch đường. Do đó bắt buộc phải tránh chướng ngại vật này hơn là đi thuyền qua chúng.⁶¹

Sau khi tiếp thu nhận thức của nhà Nguyên về các đảo Biển Đông, “Sử Đệ tổ” đã nghiên cứu kỹ lưỡng về *Vũ bị chí* (Wubei zhi 武备志) (xem Bản đồ 3), một tài liệu do Mao Nguyên Nghi (Mao Yuanyi 茅元仪) (1594-1640?) viết sau chuyến đi của Trịnh Hòa trong nửa đầu của thế kỷ XV. *Vũ bị chí* đã đánh dấu các “thạch tinh thạch đường” (shixing shitang 石星石塘), thạch đường (shitang 石塘) và vạn sinh thạch

⁵⁸ Một trong số ít các học giả Trung Quốc bác bỏ sự xác định Thất Châu dương là quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) là nhà địa lý học nổi tiếng Đàm Cơ Tương (Tan Qixiang 谭其骧) cho thuật ngữ được chỉ định là “Thất Châu liệt đảo” ở phía Đông Bắc của Hải Nam. Xem Tan Qixiang 1979. Tôi không có quyền truy cập vào bài viết này được trích dẫn trong Liu Yijie 2016, 29.

⁵⁹ Đối với Ye và Wu 1974, 12, mục dẫn nhập có liên quan nhất trong *Mộng lương lục* như sau: “Từ thời xa xưa các thủy thủ đã nói: Khi thoát khỏi nỗi sợ ở Thất Châu, thì gặp nỗi sợ ở Kunlun, ngay cả khi nước sâu hơn năm mươi trượng “ (自古舟人云 去怕七洲回怕崑崙 亦深五十餘丈). Đối với Ye và Wu, nó biểu thị sự nguy hiểm mà các thủy thủ phải đối mặt xung quanh quần đảo Tây Sa (Thất Châu dương) cũng như Biển Đông (Côn Lôn dương 昆仑洋) nói chung. Xem *Mộng lương lục* 12.15a. Để được giải thích chi tiết về những gì ông gọi là một câu tục ngữ, xem Liu Yijie 2016.

⁶⁰ Nguyên sử 162.3799.

⁶¹ Tuy nhiên, Shen đã có Sử Bật và thủy thủ đoàn chèo thuyền [...]qua [sự nhấn mạnh của tôi] Thất Châu dương và Vạn lý thạch đường, hay quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa) trong trích dẫn của ông ấy. Xem Shen Jianming 1997, 27.

đường tự (wansheng shitangyu 万生石塘屿). Các tài liệu tham khảo của “Sử Đệ tổ” trong phần này là bản đồ trong Trịnh Hòa hàng hải đồ.⁶²

“Thạch tinh thạch đường” được mô tả là vô số các dấu chấm biểu thị các rạn san hô và bãi ngầm. Việc mô tả như vậy có lẽ biểu thị số lượng chướng ngại vật nhiều như các ngôi sao trên bầu trời. Hai thực thể khác được mô tả là núi hoặc đá. Các “vạn sinh thạch đường tự” rất có thể đề cập đến bản chất nguy hiểm của nó có thể phải trả giá nhiều mạng sống.⁶³



⁶² Xem Trịnh Hòa hàng hải đồ, “Vũ bị chí” 240.11a (p. 40).

⁶³ Lin Jinzhi tự mình lấy nó để xác định các chỉ định. Ông tuyên bố phần phía tây của Quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) là thạch đường (shitang), giải thích thêm rằng ngư dân Hải Nam “cho đến ngày nay thường nhắc đến nhóm đảo Lưỡi Liềm (Yongle qundao 永乐群岛) ở phía tây của Quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) là thạch đường”. Đối với các thông tin sau ông không cung cấp một tài liệu tham khảo. “Thạch tinh thạch đường” đối với Lin không chỉ đề cập đến quần đảo Đông Sa, mà còn bao gồm tất cả (很可能) Quần đảo Trung Sa. Điều đó hoàn toàn tự nhiên chỉ còn quần đảo Nam Sa (Trường Sa) ứng với khả năng là “Vạn sinh thạch đường tự”. Lin dựa vào điều này chủ yếu dựa vào ý kiến của Xiang Da trong chỉ mục cho Trịnh Hòa hàng hải đồ. Xem Lin Jin Chi 1979, 104.

Bản đồ 3: Trịnh Hòa hàng hải đồ (Zheng He hanghai tu 郑和航海图) (Vũ bị chí 240.11a, trong Xiang Da 2000, 40)

Ngoài các tài liệu lịch sử, “Sử Đệ tổ” cũng thảo luận về các tài liệu hàng hải thực tế. Tất cả đều đề cập dưới hình thức này hay hình thức khác các thực thể mà “Sử Đệ tổ” đã tuyên bố là tên gọi của cho các đảo ở Biển Đông. Đầu tiên trong số đó là Hải ngữ (Haiyu), một tác phẩm được biên soạn trong thời Minh bởi Hoàng Chung (Huang Zhong 黄衷) (1474-1553) đề cập đến một “Vạn lý thạch đường” (wanli shitang 万里石塘) và “Vạn lý trường sa” (wanli changsha 万里长沙).⁶⁴

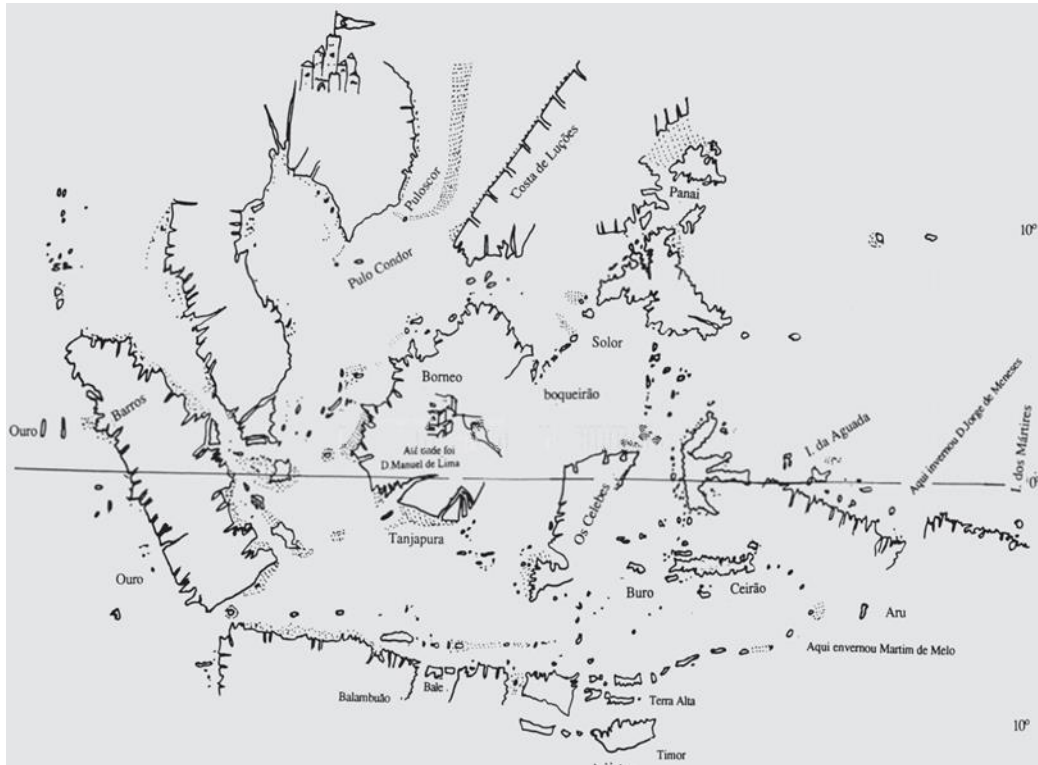
Đông Tây dương khảo (Dong Xi yang kao 東西洋考) của Trương Tiếp (Zhang Xie 张燮) (1574-1640) có nội dung về một số tuyến thuyền buồm qua Biển Đông. Phần mở đầu trong *Đông Tây dương khảo* mà có thể “Sử Đệ tổ” quan tâm như sau:

Thất Châu Sơn (Qizhoushan 七州山), Thất Châu dương (Qizhouyang 七州洋). Quỳnh Châu chí (Qiongzhou zhi 琼州志) nêu: Một trăm dặm về phía đông của Wen-chang có một ngọn núi trong đại dương mọc lên bảy đỉnh. Trong đó là một con suối và nước trong vắt. Đây là nơi người lính thời Nguyên tên Lưu Thâm (Liu Shen 刘深) bắt giữ người tùy tùng (của hoàng đế) Du Đình Khuê (Yu Tinggui 俞廷珪) khi y đang đuổi theo hoàng đế Đoan Tông (Duanzong 端宗) (1276 - 1278) của nhà Tống.⁶⁵ Truyền thuyết kể rằng Thất Châu thời cổ đại là một đại dương sâu thẳm. Khi đi thuyền qua vùng này, [thủy thủ] lo sợ thiệt mạng trước sức mạnh của đại dương nên cầu nguyện không ngừng. Khi tàu đã vượt qua khu vực nguy hiểm này, trong vòng một thời gian ngắn tàu sẽ đi đến một bãi đá kéo dài khoảng mười ngàn dặm ở phía đông, và đó là nơi Quỳnh Chí (Qiong zhi 琼志) gọi là thạch đường hải (shitang hai 石塘海) ở phía đông Vạn Châu. Khi tàu đâm vào bãi đá, người ta chỉ có thể hy vọng rằng tàu sẽ tự thoát ra. Độ sâu của nước tại Thất Châu là 130 thác (tuo 托) (khoảng 234 m). Khi đi thuyền từ đó đến Đông Kinh (Dongjing 东京) ở Giao Chỉ (miền bắc

⁶⁴ Hải ngữ, 3.2a và 2b (34-35). Lin Jinzhi giải thích bằng chứng như sau: “Hải ngữ không chỉ là tài liệu đầu tiên thay đổi trường sa (changsha 长沙) của thời Tống và Nguyên (cũng là thiên lý trường sa qianli changsha 千里长沙) thành vạn lý trường sa - wanli changsha 万里长沙, mà quan trọng hơn là người đầu tiên xác định trường sa (changsha) mà nhà Tống gọi Quần đảo Tây Sa (cũng là Thiên lý Trường Sa) là Quần đảo Nam Sa (Trường Sa), và để xác định Thạch đường (cũng là Vạn lý thạch đường - wanlishitang 万里石塘) mà nhà Tống đã gọi Quần đảo Nam Sa (Trường Sa) là Quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa), và do đó, nhắc lại hai thuật ngữ. Xem Lin Jinzhi 1979, 106.

⁶⁵ Liu Shen bắt giữ Yu Rugui 俞如珪 vào cuối tháng 12 năm 1277 tại Thất Châu dương Qizhouyang 七州洋. Xem: Tống sử 47.944.

Việt Nam), theo hướng Thân (shen 申) (240 độ), và sau năm canh (geng 更) (khoảng 115 km), người ta sẽ gặp Lê Mẫu sơn (Limu shan 黎母山).⁶⁶



Bản đồ 4: Một bản đồ từ tài liệu được gọi là *Livro de marinharia de João de Lisboa* (1560), được vẽ lại trong Thomaz 1995, mục XIV [bản scan của bản thảo gốc xem tại: <https://digitarq.arquivos.pt/viewer?id=4162625>]. Một dây dài rải rác ngoài khơi Việt Nam biểu thị những chướng ngại vật cho những con tàu như đá, bãi cát và đá ngầm.

“Sử Đệ tổ” diễn giải tất cả các tài liệu sau đây theo cách tương tự, cụ thể là xem chúng như bằng chứng cho nhận thức lâu đời của Trung Quốc về Biển Đông và các tên gọi được sử dụng để mô tả đảo và nhóm rạn san hô. Bởi vì *Thuận phong tống* (Shunfeng xiangsong 顺风相送), một cảm nang của thủy thủ,⁶⁷ là tài liệu sơ khai nhất của nhóm, nên việc đi vào chi tiết hơn là rất cần thiết. Tài liệu này cảnh báo về mối nguy hiểm mà “vạn lý thạch đường” và “vạn lý trường sa” gây ra cho các tàu. Các tài liệu đưa ra một khoảng cách trong bảy canh (khoảng 160 km hoặc 16 đến 17 giờ) trên một chuyến hải hành từ Thất Châu dương đến “vạn lý thạch đường”. Câu hỏi đặt ra là về “khoảng thời gian ngắn” cho hành trình đi từ Thất Châu dương đến “vạn lý thạch đường” có thể tương đương với bảy canh như được ghi trong *Thuận phong*

⁶⁶ Đông Tây dương khảo,juan 9.172.

⁶⁷ T’ien Ju-k’ang 1982 đặt câu hỏi về tính xác thực của Shunfeng như một tác phẩm độc lập và coi nó như một bản sao của Duhai fangcheng 渡海方程(1537). Điều đó sẽ làm cho Shunfeng xiangsonga thành một tài liệu giữa thế kỷ 16.

tương tổng. Đi thuyền từ Đông Nam Á tới miền nam Trung Quốc với gió mùa tây nam trên một hải trình, tài liệu này cảnh báo về “vạn lý thạch đường”.⁶⁸ Các hướng dẫn thuyền từ Giao Chỉ cho thấy “vạn lý thạch đường” cách đó bảy canh thẳng về phía đông.⁶⁹ Do đó, các bãi đá sẽ cách đều nhau từ phía bắc Việt Nam và vùng Thất Châu khiến cho việc xác định vị trí của nó với quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) như “Sử Đệ tổ” diễn giải là khá khó khăn. *Chỉ Nam chính pháp* (Zhinan zhengfa 指南正法), một hướng dẫn hàng hải từ thời đầu nhà Thanh, lặp lại thông tin từ *Đông tây dương khảo* cũng như từ *Thuận phong tương tổng*⁷⁰. Sau đó, “Sử Đệ tổ” đã trình bày về “Đông dương Nam dương hải đạo đồ” (Dongyang nanyang haidao tu 东洋南洋海道图) (xem Bản đồ 5) là bằng chứng bản đồ cho thấy người Trung Quốc thời nhà Thanh biết các đảo riêng lẻ ở Biển Đông nằm ở đâu, trong khi *Hải quốc văn kiến lược* và *Doanh hoàn chí lược* (Yinghuan zhilue 瀛寰志略) (1848) theo đó cung cấp bằng chứng văn bản về các đảo này. Điểm thú vị của bản đồ là phân định các tuyến thuyền buồm giữa Trung Quốc và những nơi ở Đông Nam Á.⁷¹

Các tài liệu khác mà “Sử Đệ tổ” đề cập đến sau đó đã không bổ sung thêm bất cứ thông tin mới nào, nhưng các tài liệu này bổ sung một loạt các nguồn được cho là chứng minh sự quản lý lâu đời của Trung Quốc đối với các nhóm đảo ở Biển Đông. Tài liệu đầu tiên trong một loạt nguồn trên, *Hải quốc văn kiến lược* của Trần Luân Huỳnh (Chen Lunjong 陈伦炯) (vào khoảng 1730) đã có thông tin này:

Thất Châu dương, ở phía tây nam Vạn Châu ở Quỳnh đảo (Hải Nam), là một khu vực mà tất cả những người đi thuyền đến Nam Đại Dương (Đông Nam Á) phải đi qua⁷².

⁶⁸ Liangzhong haidao zhenjing, 27-28.

⁶⁹ Liangzhong haidao zhenjing, 33.

⁷⁰ Liangzhong haidao zhenjing, 108 and 117, tương đương.

⁷¹ Bản đồ 5: https://www.nansha.org.cn/maps/1/dong_yang_nan_yang_hai_dao_tu.html, truy cập 3/4/2019. Thông tin thêm về “Dongyang nanyang haidao tu” xem Fang Biyong 方碧勇 2016.

⁷² Haiguo wenjianlu, A.20b, Nanyangji 南洋记. Zhongguo gujin diming dacidian 中国古今地名大辞典 cũng như Zheng Ziyue 郑资约 trích dẫn một phiên bản khá khác biệt của mục này: “Thất Châu dương nằm ở phía Đông Nam của Wanxian trên đảo Hải Nam ở Quảng Đông. Những người đi qua Nam Hải chắc chắn đi ngang qua nó. Về phía đông bắc của nó là một bãi cát dài, một bãi đá và các rạn san hô khác, và các tàu thuyền ở đó phải thận trọng. Theo truyền thuyết, trong đại dương này có loài chim dẫn đường, và khi những con tàu đang đến vùng biển này, thì những con chim đến và hướng dẫn tàu thuyền. Xem Zhongguo gujin diming dacidian 1931, 4-5; và Zheng Ziyue 1947, 75. Có thể là Zheng Ziyue đã sao chép trích dẫn của ông về Haiguo wenjian lu từ các nguồn tham khảo địa lý trước đó.



Bản đồ 5: “Đông dương Nam dương hải đạo đồ”

Tài liệu thứ hai, phần dẫn nhập trong *Doanh hoàn chí lược*, chỉ là một trích dẫn khác từ *Hải quốc văn kiến lục* và do đó không đóng góp kiến thức mới.⁷³, “Sử Đệ tổ” coi tài liệu thứ ba, *Sứ Tây kỷ trình* (Shi xi jicheng 使西纪程, Nhật ký đi đến phương Tây của một viên sứ) (1876) của Quách Tung Đào (Guo Songtao 郭嵩焘) (1818 - 1891), một tài liệu sơ cấp về quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) bởi vì Quách Tung Đào gọi chúng là “những hòn đảo thuộc Trung Quốc” (为中国属岛). Quách Tung Đào đã học hỏi từ những hành khách khác trên con tàu đưa ông qua vùng biển có tên Trai Nạp tế

⁷³ Yinghuan zhilue, 1 “Yaxiya nanyang binhai geguo” 亚细亚南洋滨海各国. Xem thêm: Xu Jiyu 徐继畲 (?–1873) và Drake 1975

(Qinaxi 齐纳细- ký âm tiếng Trung của từ China Sea) mà ông hiểu là biển Trung Quốc (Zhongguo hai 中国海). Bản dịch của J. D. Frodsham về đoạn trích này như sau:

Cách hải cảng [bên trái] không xa, quần đảo P'ai-la-su [Paracel] (Hoàng Sa) có sên biển và san hô, mặc dù không phải chất lượng tốt nhất. Những hòn đảo này thuộc về Trung Quốc, nhưng chúng cằn cỗi và không có người ở.⁷⁴

Một trong những lập luận của phía Trung Quốc về quyền sở hữu đối với Quần đảo Hoàng Sa là sự canh tác liên tục của họ.⁷⁵ Nhận định của Quách Tung Đào rằng các hòn đảo trên không có người ở lại lập luận ngược lại. Tuy nhiên, việc đề cập đến các hòn đảo trong nhật ký Quách Tung Đào dù còn bấp bênh vẫn được lấy làm bằng chứng rằng Trung Quốc đã kiểm soát các đảo này vào năm 1876.

Sự khai phá cằn mẫn, liên tục không ngừng

Phần giới thiệu về mục này đề cập đến hai dự án khảo sát của Bảo tàng tỉnh Quảng Đông vào năm 1974 và 1975, và các cổ vật đã được phục hồi từ thời Đường. Đối với “Sử Đệ tổ”, các cứ liệu đó xác nhận rằng từ thời nhà Đường, người Trung Quốc đã cư trú trên các đảo và đã sinh sống ở đó. “Sử Đệ tổ” đã chọn *Quyển-Đài ngoại kỷ* (Qiongtai waiji 琼台外纪, các ghi chép về Quyển-Đài) của tác giả thời Minh tên là Vương Tá (Wang Zuo 王佐) làm ví dụ cho việc kinh doanh đánh bắt cá của Trung Quốc ngày càng tăng và nuôi trồng trên các đảo ở Biển Đông. Văn bản gốc đã không còn tồn tại, nhưng các trích đoạn đã được đưa vào *Đạo quang Vạn Châu chí* (Daoguang Wanzhou zhi 道光万州志). “Sử Đệ tổ” trích dẫn đoạn văn sau:

Về phía Đông của [Vạn] châu là những bãi cát dài và bãi đá. Mỗi khi có bão mạnh xảy ra trong vùng biển xung quanh, sóng tràn vào những ngôi nhà và nhấn chìm các cánh đồng.⁷⁶

⁷⁴ Frodsham 1974, 11. Hayton loại bỏ đoạn này là bằng chứng về sự quản lý của Trung Quốc đối với các đảo vì đây không phải là một yêu sách lãnh thổ được ban hành chính thức, mà chỉ là một ghi chú trong một cuốn nhật ký. Hayton nghĩ thêm rằng chính phủ Trung Quốc trước đây không biết về những hòn đảo này, đó là có thể lý do tại sao Guo đề cập đến chúng ngay từ đầu. Xem Hayton 2017, 22-23.

⁷⁵ Hàn Chấn Hoa đã bác bỏ ý kiến cho rằng thuật ngữ quần đảo Hoàng Sa trong suốt thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX được gọi là Quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa). Thay vào đó, Hàn giải thích, thuật ngữ quần đảo Hoàng Sa được sử dụng cho các đảo ngoài khơi Việt Nam. Do đó, cuộc tranh luận của Hàn đã bác bỏ kiến thức phương Tây về quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và cũng từ chối việc các thủy thủ phương tây đặt tên cho các đảo này vào thời điểm đó và cho đến thế kỷ XIX không có một chỉ định chính thức nào của Trung Quốc. Xem Han Zhenhua 1980. Ông cũng từ chối yêu cầu của Việt Nam về việc chỉ định quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa) có tên tiếng Việt. Xem Han Zhenhua và Wu Fengbin 1980.

⁷⁶ Daoguang Wanzhou zhi 3.15b.

Người đọc đoạn trích trên có thể liên tưởng đến những túp lều và cánh đồng trên bãi cát và bãi đá như “Sử Đệ tổ” đã làm, nhưng cho dù đoạn trích đó đã đưa ra bằng chứng khan hiếm cho việc “canh tác” trên đảo - chỉ một vài nơi trú ẩn và hầu như không có bất kỳ nền nông nghiệp nào ngoài việc trồng một vài cây dừa được ghi nhận ở quần đảo Hoàng Sa – tài liệu mô tả chính xác hơn về các cơn bão gây thiệt hại cho cư dân trên đảo Hải Nam. Không có dấu hiệu nào trong tài liệu này cho thấy các khu vực bị ảnh hưởng bởi bão và lũ lụt là bất cứ nơi nào khác ngoài đảo Hải Nam. Việc đánh dấu trên các bãi cát và rạn san hô phục vụ cho việc xác định vùng biển có liên quan. Vạn Châu là Vạn Ninh ngày nay thuộc tỉnh Hải Nam, vì vậy các rạn san hô và bãi cát ở phía Đông Vạn Ninh rất có thể là Thất Châu liệt đảo (Qizhou liedao 七洲列島) (Quần đảo Tara).

Quản lý hành chính của các chính quyền Trung Quốc trong lịch sử đối với các đảo trên Biển Đông

Sau đó, “Sử Đệ tổ” đã quay lại với *Vũ kinh tổng yếu* và *Nguyên sử* của Sử Bật, và thêm *Dur địa ký thắng* (xem ở trên) để giải thích rằng các tài liệu này đã có từ thời nhà Tống mô tả các vùng hình thành một phần của biên giới trên biển của Trung Quốc (为中国的海洋范围). Mục mở đầu, ghi chú tiêu sử về Ngô Thăng (Wu Sheng 吴陞), trong *Càn Long Tuyên Châu phủ chí* (Qianlong Quanzhoufu zhi 乾隆泉州府志) đã cung cấp cho “Sử Đệ tổ” bằng chứng về sự kiểm soát của Trung Quốc đối với các vùng biển bao gồm quần đảo Hoàng Sa đầu thế kỷ thứ mười tám. Ngô Thăng, một chỉ huy quân sự ở tỉnh Quảng Đông,

[...] rời khỏi Quỳnh Nhai (Qiongya 琼崖) (Hải Nam) trong một chuyến khảo sát một mình với chặng đường 3.000 dặm, đi ngang qua Đồng Cổ (Tonggu 铜鼓), và đi thuyền qua Thất Châu Dương và Tứ Canh Sa (Sigeng sha 四更沙).⁷⁷

⁷⁷ (Qianlong) Quanzhou fu zhi 56.43b-44a.



Bản đồ 6: Dương phòng tập yếu 1.2a (15) trong “Trực tỉnh Hải dương tổng đồ”

Đồng Cổ trong (Khang Hy) *Văn Xương huyện chí* [(Kangxi) Wenchang xian zhi 康熙文昌縣志] được mô tả là một vùng nguy hiểm cho tàu thuyền trên biển đến phía Tây Nam của Văn Xương ở phía Đông Hải Nam.⁷⁸ Tôi vẫn chưa thể xác định được nơi này. Thất Châu dương có nhiều khả năng đề cập đến Thất Châu liệt đảo (Qizhou liedao 七洲列島) (Quần đảo Tara) ngoài khơi bờ biển phía Đông Bắc của Hải Nam và hiện thuộc sự quản lý của huyện Văn Xương. Tứ Canh Sa có lẽ là một tham chiếu đến Tứ Canh Sa giác (Sigeng shajiao 四更沙角) ngày nay, điểm phía bắc của Vịnh Đôn Thủ (Duntouwan 墩頭灣) trên bờ biển phía Tây của Hải Nam.⁷⁹ Do đó,

⁷⁸ (Kangxi) Wenchang xian zhi 1.10b.

⁷⁹ “Thất Châu liệt đảo” cũng như là “Tứ Canh Sa giác” đã được liệt kê trong Tuyên bố của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về đường cơ sở tính chiều rộng lãnh hải, ngày 15 tháng 5 năm 1996”. Xem bản tiếng Anh tại: http://www.un.org/Depts/los/LEGISLATIONANDTREATIES/PDtfifiles/CHN_1996_Declaration.pdf, truy cập ngày 15 tháng 11 năm 2018. Xem bản tiếng Trung Quốc tại:

Ngô Thăng đã đi thăm các khu vực ven biển của Hải Nam từ phía Đông sang phía Tây chứ không phải khảo sát các hòn đảo xa bờ biển Hải Nam.⁸⁰ Do đó, các tài liệu này không phải là bằng chứng cho bất kỳ sự quản lý nào của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa vào đầu những năm 1700.

“Sử Đệ tổ” quay trở lại các bản đồ trong *Dương phòng tập yếu* (xem Bản đồ 6) và giải thích rằng “Trực tỉnh Hải dương tổng đồ” (Zhisheng haiyang zongtu 直省海洋总图) mô tả tất cả các đảo Biển Đông trong khi “Quảng Đông dương đồ” chỉ cho thấy các chỉ dẫn về “Cửu Nhũ Loa Châu” và “Song phàm thạch” (Shuangfanshi 双帆石). Theo “Sử Đệ tổ”, những bản đồ này phác thảo “khu vực phòng thủ bờ biển của Trung Quốc” (我国海防区域). “Trực tỉnh Hải dương tổng đồ” không hiển thị tất cả các đảo, nhưng mô tả một “Vạn Lí Trường Sa” về phía Đông của Hải Nam.⁸¹

Trước đây, “Sử Đệ tổ” đã xác định được “Cửu Nhũ Loa Châu” là quần đảo Hoàng Sa; quần đảo này trên “Quảng Đông dương đồ” nằm ở phía Đông Nam của Hải Nam. Song phàm thạch được mô tả là nằm ở phía Nam của Hải Nam (xem bản đồ 2 ở trên).⁸² Tuy nhiên, trên thực tế, các hòn đảo thực sự nằm ngoài khơi bờ biển phía Đông Nam của Hải Nam. Giống như những “Thất Châu liệt đảo” và “Tứ Canh Sa giác”, “Song phàm thạch” được đưa vào “Tuyên bố của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về đường cơ sở tính chiều rộng lãnh hải ngày 15 tháng 5 năm 1996”. “Song phàm thạch” khác với “Song Phàm” - một phần của “Thất Châu liệt đảo” và cũng được đề cập trong bản tuyên bố.

“Sử Đệ tổ” trích dẫn chính xác nội dung của *Đạo Quang Quỳnh Châu phủ chí* (Daoguang Qiongzhou fuzhi 道光琼州府志):

Ở Vạn Châu có Thiên lý thạch đường và Vạn Lí Trường Sa là những nơi nguy hiểm nhất ở Quỳnh Hải (vùng biển xung quanh đảo Hải Nam).⁸³

<https://web.archive.org/web/20070216040721/>, <http://www.soa.gov.cn/law/960515a.htm>, truy cập ngày 15 tháng 11 năm 2018.

⁸⁰ Cụm từ tương tự từ Quanzhou fu zhi xuất hiện vào cuối năm 2016 trong một bài báo được xuất bản sau Phán quyết trọng tài tháng 7 năm 2016 và sau đó như trước đây được sử dụng để nhấn mạnh sự kiểm soát Biển Đông của hải quân Trung Quốc trong thế kỷ thứ mười tám. Xem Chai Yifei 2016.

⁸¹ Yangfang jiyao 1.15.

⁸² Yangfang jiyao 1.27.

⁸³ Daoguang Qiongzhou fu zhi 18A.15b.

Tuy nhiên, “Sử Đệ tổ” đã biến nhận định này thành bằng chứng của sự quản lý của Trung Quốc đối với tất cả các đảo Biển Đông. Tuy nhiên, đoạn văn được trích không đầy đủ, phần kế tiếp là:

Thuyền đi ngang qua đó, chỉ hy vọng nhìn thấy (những chướng ngại vật này), vì nếu chúng bị ngập nước, tàu thuyền sẽ bị lạc đường. Do đó, thuyền trưởng địa phương cũng không thể chỉ ra vị trí thực tế của chúng. Ai đó đã từng nói rằng các thuyền này nằm ở giữa Quần đảo Kê Quan (Jiguan).

Các thủy thủ không thể xác định vị trí chính xác của bãi đá và bờ cát, cũng như nơi các rạn san hô không có người ở vì chúng hầu như lúc nào cũng bị ngập nước. Tôi chưa thể xác định được Quần đảo Kê Quan, mặc dù có hai rạn san hô ở vùng biển ngoài khơi thành phố Ôn Lĩnh ở Chiết Giang được gọi tương ứng là Kê Quan Tự (Jiguan yu 鸡冠屿) và Kê Quan thủ tự (Jigugeou yu 鸡冠头屿). Điểm mấu chốt là vị trí của các rạn san hô trong tài liệu này vẫn còn mù mờ như trong các tài liệu trước đó.⁸⁴

Phản kết luận

Vào năm 1974, các chính trị gia [của Trung Quốc] đã yêu sách lãnh thổ mà họ cho là của Trung Quốc, và bởi vì họ đã chiếm được lãnh thổ, trong trường hợp này là quần đảo Hoàng Sa, nên các học giả và nhà báo đã khai thác sử liệu tiền hiện đại để cung cấp những bằng chứng lịch sử mà cho đến nay không có sức thuyết phục đối với các cá nhân và tổ chức không phải người Trung Quốc. Điều này là khá rõ ràng trong phán quyết của Tòa Trọng tài Thường trực năm 2016 bác bỏ các quyền lịch sử của Trung Quốc. Cấu trúc và lập luận trong bài viết của “Sử Đệ tổ” có thể dễ nhận thấy như khuôn mẫu chung cho các lập luận của Trung Quốc, ví dụ như trong tuyên bố về Quần đảo Nam Sa (Trường Sa) của Bộ Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2000.⁸⁵ Các phần phụ của bài viết cũng được phản ánh trong các tuyên bố chính thức của nhà nước Trung Quốc: “1. Lịch sử lâu đời về phát kiến địa lý” đã trở thành: “A - Trung Quốc: Quốc gia đầu tiên khám phá và đặt tên cho quần đảo Nam Sa (Trường Sa)”; “2. Sự khai phá cần mẫn, liên tục không ngừng” được thể hiện là “B - Trung Quốc: Quốc gia đầu tiên phát triển quần đảo Nam Sa (Trường Sa)”; “3. Quản lý hành chính của các chính quyền Trung Quốc trong lịch sử đối với các đảo trên Biển

⁸⁴ Do đó, “Sử Đệ tổ” đã đề cập đến các bản đồ chính thức như Huang Qing gezhi sheng fentu” 皇清各直省

分图 năm 1755 và “Da Qing yitong tianxia tu” 大清统天下图 năm 1817. Tôi không có quyền truy cập vào các bản đồ này, vì vậy không thể xác nhận cũng không loại bỏ tuyên bố của “Sử đệ tổ” rằng những bản đồ này phác thảo quần đảo Biển Đông.

⁸⁵ Bộ Ngoại giao Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 2000a.

Đông” đã biến thành “C - Trung Quốc: Quốc gia đầu tiên thực thi chủ quyền đối với Quần đảo Nam Sa (Trường Sa)”.

Từ năm 1975, nhiều bài báo đã tranh luận về một quá trình lịch sử lâu dài của nhận thức và chiếm đóng các đảo trên Biển Đông, điều đó được thúc đẩy bởi sự chiếm đóng thành công của Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa vào đầu năm 1974.⁸⁶ Tuy nhiên, một trong những tài liệu đầu tiên về vấn đề này đã được xuất bản trong một tạp chí học thuật nhưng không được viết bởi các nhà sử học hay các nhà khoa học chính trị, mà bởi các nhà địa lý lịch sử của Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc.⁸⁷ Với việc thành lập các tạp chí như *Nam Dương Vấn Đề* (Nanyang wenti 南洋问题) năm 1974, trong đó các nhà sử học từ Đại học Hạ Môn, Phúc Kiến, đã công bố các nghiên cứu về địa lý lịch sử đối với các đảo trên Biển Đông, những ý tưởng được xây dựng bởi “Sử Đệ tổ”⁸⁸. Trong những lần gần đây - kể từ năm 2015 - *Nam Dương Vấn Đề* đã có sự góp mặt của *Nam Hải học san* (Nanhai xuekan 南海学刊) tại tỉnh Hải Nam nơi một thế hệ tác giả mới tiếp tục làm việc theo tinh thần là nhóm đầu tiên của các nhà nghiên cứu ban đầu.

Khi cuộc thảo luận quốc tế về quyền sở hữu đối với Biển Đông nóng lên vào cuối những năm 1980, được kích động bởi cuộc đụng độ ở đá Gạc Ma giữa quân đội Trung Quốc và Việt Nam và hậu quả là Trung Quốc đã chiếm được một số rạn san hô và đá ở quần đảo Trường Sa.⁸⁹ Các nhà sử học Trung Quốc đã được các đồng nghiệp chuyên ngành luật học cộng tác.⁹⁰ Tầm quan trọng của bài viết từ “Sử Đệ tổ” đã được công nhận vào năm 2009, năm Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đệ trình bản đồ kèm Đường chín đoạn, bởi Lý Quốc Cường (Li Guoqiang) người đã đề cập đến bài viết của “Sử Đệ tổ” trong số những tài liệu khác tập trung vào nghiên cứu lịch sử⁹¹. Lý Quốc Cường không liệt kê bài viết của “Sử Đệ tổ” là bài đầu tiên mà là bài thứ ba, bất chấp các bài viết trước đó, Đàm Cơ Tương (Tan Qixiang) 1979 và Hàn Chấn Hoa 1981 đã

⁸⁶ Một trong những sản phẩm mới nhất là Li Jinming 2018.

⁸⁷ Zhongguo kexueyuan dili yanjiu suo lishi dili zu 1976. Từ những năm 1950 trở đi, các nhà sinh vật học và nhà địa chất đã xuất bản một số lượng giấy tờ khiêm tốn về hệ động vật, thực vật và địa chất của Quần đảo Biển Đông. shengwushi ziyuanzu 1975.

⁸⁸ Xem đặc biệt số 6 (1979) và 3 (1981) trong đó Han Zhenhua, Wu tfengbin và Lin Jin-zhi đã viết về Quần đảo Biển Đông và khu vực hàng hải xung quanh là lãnh thổ của Trung Quốc từ một quan điểm của nhà sử học.

⁸⁹ See Hayton 2014, 82-84.

⁹⁰ E.g. Zhu Qiwu and Zhu Qiwu 1991.

⁹¹ Li Guoqiang 2009, 53.

được xuất bản sau bài viết của “Sử Đệ tổ”.⁹² Có thể là thứ hạng này phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các tác giả. Trong khi cả Đàm Cơ Tương và Hàn Chấn Hoa đều là những nhà nghiên cứu nổi tiếng có công bố trên các tạp chí học thuật, còn một tập thể như “Sử Đệ tổ” có lẽ thiếu những thông tin xác thực. Rốt cuộc, không ai trong số các thành viên của nhóm “Sử Đệ tổ” đã đóng góp bất kỳ nghiên cứu nào có ý nghĩa hơn cho thực trạng phức tạp của Biển Đông sau năm 1975.

Trong một bài báo có tựa đề “Sức mạnh của các tài liệu lịch sử” (*wenxian de lilian* 文献的力量) và được công bố trên mạng tin tức Tân Hoa Xã ngay sau phán quyết năm 2016, các bài viết năm 1956 và 1975 trên *Nhân dân Nhật báo* của Thiệu Tuần Chính và “Sử Đệ tổ” đã được ca ngợi như sau:

Cả hai bài viết đã đưa ra rất nhiều bằng chứng từ góc độ lịch sử, phơi bày sự vô lý trong lập trường của Việt Nam và Philippines.⁹³

Trong trường hợp này, chính các bài báo đã trở thành một phần của lập luận lịch sử bác bỏ hai trong số những bên yêu sách đối với các đảo ở Biển Đông là Việt Nam và Philippines. Một điều khá rõ ràng là các tuyên bố chính thức của nhà nước Trung Quốc đã thu được nhiều lợi ích từ công việc của các học giả, chẳng hạn như Hàn Chấn Hoa (1921-1993) người dựa vào bài báo đã cung cấp nền tảng lịch sử thiết yếu cho tuyên bố của Bộ Ngoại giao Trung Quốc đầu năm 1980.⁹⁴

Câu hỏi đặt ra là tại sao trong hơn bốn thập kỷ, các nhà báo, nhà nghiên cứu và cán bộ nhà nước Trung Quốc đã viết lại và viết một cách dư thừa về cùng một chủ đề, với cùng một phương pháp, sử dụng cùng một nguồn tài liệu.⁹⁵ Các tuyên bố được đưa ra trên cơ sở các tài liệu tiền hiện đại là yếu kém, bởi vì những diễn giải của chúng mang tính chủ quan theo mong muốn; do đó, việc lặp lại liên tục những gì đã được viết nhiều lần sẽ tạo ra sự tin cậy cần thiết. Các ấn phẩm về quyền lịch sử của Trung Quốc ở Biển Đông không phải chủ yếu nhắm đến độc giả bên ngoài Trung Quốc, mà

⁹² Các văn bản khác mà Li đề cập đến là Lin Jinzhi 1979, Lao Zude 劳祖德 1979, Han Zhenhua 1980, Zhang Hongzeng 1980 và Dai Kelai 戴可 1980. Tôi chỉ có quyền truy cập vào Lin Jinzhi 1979, nhưng không được tiếp cận với những người khác mà có thể được tìm thấy trong thư mục nào. Jiang Hongyi và Zhou Li vào năm 2013 đã trao cho “Sử Đệ tổ” lập trường đầu tiên đúng đắn trong danh sách bao gồm các tác giả và văn bản tương tự. Xem Jiang Hongyi/ Zhou Li 2013, 17

⁹³ Liu Yanhua 2016.

⁹⁴ Zhonghua renmin gongheguo waijiaobu 1980a. Xem nguyên văn tại Zhonghua renmin gongheguo wai- jiaobu 1980b. Bộ Ngoại giao đánh giá cao những nỗ lực của ông ấy và khen ngợi ông ấy vì đã “đóng góp hữu ích cho cuộc đấu tranh bên ngoài của Trung Quốc” (wei woguo duiwai douzheng zuochule youyi de gongxian 为我国对外斗争作出了有益的贡献). Xem Wang Chunyu 2011.

⁹⁵ Hayton đã nhận ra số lượng hạn chế các tác phẩm dịch và sự chấp nhận thô sơ trong những ghi chép lịch sử thực sự là một vấn đề lớn trong các cuộc thảo luận về Biển Đông kể từ năm 1970. Xem Bill Hayton 2018b

là đại diện cho một yêu sách thống nhất trong Trung Quốc, đến từ các học giả, cán bộ và công chúng.

Cách tiếp cận này đối với tranh chấp lãnh thổ không chỉ có ở Biển Đông. Trong trường hợp tranh chấp quần đảo Senkaku/ Điều Ngư xung quanh một nhóm đảo không có người ở cách Đài Loan khoảng 170km về phía Đông Bắc giữa Nhật Bản, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Trung Hoa Dân quốc, đã nảy sinh sự việc tương tự vào những năm 1970.⁹⁶ Những điều này cũng được kích động bởi sự ước lượng các tài nguyên thiên nhiên như dầu mỏ và ngư trường phong phú cũng như sự gia tăng vận chuyển quốc tế đi qua khu vực. Nhưng trái ngược với trường hợp Biển Đông, khi mà có vẻ như các yêu sách lịch sử của Trung Quốc trở lại vài trăm năm đã được các học giả lần đầu tiên đưa ra.⁹⁷ Trong giai đoạn bắt đầu công nghiệp hóa nhanh chóng của Trung Quốc vào những năm 1990 và nhu cầu về nhiên liệu và thực phẩm ngày càng tăng, các tuyên bố chính thức về biển Hoa Đông bắt đầu xuất hiện theo cách tương tự như các tuyên bố về Biển Đông trong những năm 1970 và 1980. Hai bài báo được xuất bản trên *Nhân dân Nhật báo* vào tháng 8 và tháng 10 năm 1996 là hình mẫu tương đương trong cách tiếp cận của Trung Quốc về vấn đề này. Mỗi quan hệ giữa yêu sách với biển Hoa Đông với “Sử Đệ tổ” trong ý tưởng không thỏa hiệp về quyền sở hữu các hòn đảo là rõ ràng vì tiêu đề đầu tiên là “Quần đảo Điều Ngư là một Lãnh thổ lâu đời của Trung Quốc”, trong khi tiêu đề thứ hai là “Về Chủ quyền đối với quần đảo Điều Ngư”.⁹⁸ Tuy nhiên, kể từ những năm 2010, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đang theo đuổi lợi ích của mình ở các đảo bằng cách diễn giải UNCLOS phục vụ cho yêu sách của họ.⁹⁹ Năm 1974, việc chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa đã dẫn đến việc xây dựng các đảo nhân tạo ở quần đảo Trường Sa, Trung Quốc lấy “quyền lịch sử” làm cơ sở cho những hành động này. Trong tranh chấp quần đảo Senkaku/Điều Ngư, cạnh tranh lợi ích quốc tế với Nhật Bản - một trong những cường quốc kinh tế trong khu vực dĩ nhiên là gay gắt hơn, điều đó có thể đã thúc đẩy cách tiếp cận của Trung Quốc trong tranh chấp này bằng luật pháp quốc tế hơn là hành động quân sự trực tiếp.¹⁰⁰

⁹⁶ Để có một bản tóm tắt tốt về tranh chấp đến năm 2013, xem Vutz 2013.

⁹⁷ Vì số lượng bài báo khá lớn, tôi đề cập đến người đọc các văn bản đại diện như Zhou Zhaorui 1978, Lu Linsong 1991 và He Ciyi 1993.

⁹⁸ Xem Zhu Changdu / Chang Baolan 1996 và Zhong Yan 1996. Lưu ý rằng cụm từ Quần đảo Điều Ngư là lãnh thổ của Trung Quốc kể từ thời Cổ đại (Diaoyudao zigu yilai shi Zhongguo lingtu) là câu đầu tiên trong bài viết trước, và tiêu đề đầu tiên trong bài thứ hai.

⁹⁹ Cách tiếp cận pháp lý này đối với vấn đề mặc dù, các bài báo vẫn đang được đưa ra để hỗ trợ cho lập luận lịch sử phi pháp lý. Xem, ví dụ, Dongnanfeng 2013, Zheng Hailin 2014 và Wan Ming 2016.

¹⁰⁰ Căng thẳng gia tăng giữa một bên là Mỹ, Nhật Bản và Việt Nam, mặt khác, đã không được chú ý bởi NATO. Bộ trưởng NATO Jens Stoltenberg năm 2017 đã nêu rõ quan điểm của NATO và nhấn mạnh giải pháp cho tranh

Theo đó, thái độ đối với việc cải tạo các nhóm đảo, vẫn nhất quán trong các lập luận và các yêu sách lãnh thổ được đưa ra, nhưng những điều này vẫn không thuyết phục được các bên tranh chấp khác trên cơ sở pháp lý.

Johannes L. Kurz, Tiến sĩ khoa Khoa học Xã hội và Mỹ thuật (FASS), đại học Vương quốc Brunei, chuyên nghiên cứu về lịch sử Trung Quốc. Bài viết được đăng trên *China and the World – the World and China*, Vol. 3, tr.133-160.

Dịch: Trần Thị Kim Nguyên, Nguyễn Phương Hoài

Hiệu đính: Trần Quang

Danh mục tài liệu tham khảo

- Asia Maritime Transparency Initiative. “Subi Reef”. <https://amti.csis.org/subi-reef/>, accessed April 3, 2019.
- Chai Yifei 柴逸扉. “You zhi wei zheng: Nanhaizhudao zigu shu zhongguo” 有志为证—南海诸岛自古属中国, *Renmin ribao waiban* 人民日报外版 July 20, 2016, 4. http://paper.people.com.cn/rmrhwb/html/2016-07/20/content_1696801.htm, accessed Nov 10, 2016.
- Chen Jiarong 陈佳荣. “Zhanghai kao” 涨海考, *Zhongyang minzu xueyuan xuebao* 中央民族学院学报 1982.1, 61-64, 75.
- . *Waiguo zhuan* 外國傳. Hong Kong: Xianggang Xinhua caiyin, 2006.
- China Power Team. “How Much Trade Transits the South China Sea”. <https://chinapower.csis.org/much-trade-transits-south-china-sea/>, accessed April 3, 2019.
- Chinese Society of International Law. “The South China Sea Arbitration Awards: A Critical Study”, *Chinese Journal of International Law* 17.2 (2018), 207-748.
- Chuxueji 初學記 (Notes for young beginners), comp. by Xu Jian 徐堅 et al. Beijing: Zhonghua, 1962.
- Dabringhaus, Sabine, and Roderich Ptak (eds). *China and Her Neighbours: Borders, Visions of the Other, Foreign Policy 10th to 19th Century*. Wiesbaden: Harrassowitz, 1997.
- Dai Kelai 戴可来. “Luodong baichu, yugai mizhang” 漏洞百出，欲盖弥彰.

Guangming ribao 光明日报 June 9, 1980.

Daoguang Qiongzhou fuzhi 道光瓊州府志 (Gazetteer of Qiongzhou from the Daoguang era), comp. by Ming Yi 明誼. *Zhongguo fangzhiku* 中國方志庫. <http://server.wenzibase.com>, accessed November 6, 2018.

Daoguang Wanzhou zhi 道光萬州志 (Gazetteer of Wanzhou from the Daoguang era), comp. by Hu Duanshu 胡端書. *Zhongguo fangzhiku* 中國方志庫. <http://server.wenzibase.com>, accessed November 6, 2018.

Deng Siyu 鄧嗣禹. “Nan Zhongguohai zhudaoyu de zhuquan wenti” 南中國海諸島嶼的主權問題), *Mingbao yuekan* 明報月刊 101.5 (1974), 2-8.

Dongnanfeng 东南风. “Lun Diaoyudao zhuquan shuyu Zhongguo” 论钓鱼岛主权属于中国, *Dongnan xueshu* 东南学术 2013.4, 4-14.

Dong Xi yang kao 東西洋考 (On the eastern and western oceans), comp. by Zhang Xie 張燮. See Xie Fang 2000.

Drake, Fred. *China Charts the World: Hsü Chi-yü and His Geography of 1848*. Cambridge, MA: Harvard University, 1975.

Dupuy, Florian, and Pierre-Marie Dupuy. “A Legal Analysis of China’s Historic Rights Claim in the South China Sea”, *The American Journal of International Law* 107.1 (2013), 124-141.

Fang Biyong 方碧勇. “Xiamen guoji huoyi gu ditu: Dongyang Nanyang haidao tu” 厦门国际货易古地图—东洋南洋海道图, *Fujian zhishi* 福建知识 2016.3, 42-45.

Foreign Ministry of the People’s Republic of China. “Historical Evidence To [sic] Support China’s Sovereignty over Nansha Islands”. https://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/topics_665678/3754_666060/t19231.shtml, November 17, 2000, accessed November 5, 2018.

———. “China has indisputable sovereignty over South China Sea islands: spokesman”, June 30, 2011. <https://www.fmprc.gov.cn/ce/cetur/eng/xwdt/t836350.htm>, accessed December 2, 2018.

———. “Zhonghua renmin gongheguo waijiaobu guanyuying Feilubin gongheguo qingqiu jianli de Nanhai zhongcai’an zhongcaiting guanyu guanxiaquan he ke’ai lixing wenti zaique de sheng-ming”

- 中华人民共和国外交部关于应菲律宾共和国请求建立南海仲裁案仲裁庭关于管辖权和可受理性问题裁决的声明, October 30, 2015. https://www.fmprc.gov.cn/web/ziliao_674904/1179_674909/t1310470.shtml, accessed December 3, 2018.
- . “Zhongguo zuizao faxian bing mingming Nanhai zhudao” 中国最早发现并命名南海诸岛, May 23, 2016. <https://www.fmprc.gov.cn/ce/ceph/chn/zt/nhwt/t1365622.htm>, accessed November 2, 2018.
- Freund, Eleanor. “Freedom of Navigation in the South China Sea: A Practical Guide”. <https://www.belfercenter.org/publication/freedom-navigation-south-china-sea-practical-guide>, June 2017, accessed April 3, 2019.
- Frodsham, J. D. *The First Chinese Embassy to the West: The Journals of Kuo Sung-t'ao, Liu Hsi-hung and Chang Te-yi*. Oxford: Clarendon, 1974.
- Guangdong sheng bowuguan 广东省博物馆. “Guangdong sheng Xisha qundao wenwu diaocha jianbao” 广东省西沙群岛文物调查简报, *Wenwu* 文物1974.10, 1-29.
- . “Guangdong sheng Xisha qundao di er ci wenwu diaocha jianbao” 广东省西沙群岛第二次文物调查简报, *Wenwu* 文物1976.9, 9-27.
- Haiguo wenjian lu* 海國聞見錄 (Record of things seen and heard about the maritime countries), comp. by Chen Lunjiong 陳倫炯. *Zhongguo shixue congshu xubian*, 35. Taipei: Taiwan xue-sheng, 1984 [https://ctext.org/wiki.pl?if=gb&chapter=477750, accessed October 28, 2018].
- Hailu* 海錄 (Maritime records). *Zhongguo shixue congshu xubian*, 35. Taipei: Taiwan xuesheng, 1984.
- Haiyu* 海語 (Maritime conversations). *Zhongguo shixue congshu xubian*, 35. Taipei: Taiwan xue-sheng, 1984.
- Han Zhenhua 韩振华. “Xifang shiji shang de Palasai'er bu shi woguo Xisha qundao” 西方史籍上的帕拉塞尔不是我国西沙群岛, *Guangming ribao* 光明日报 April 5, 1980.
- . “Qizhouyang kao” 七州洋考, *Nanyang wenti* 南洋问题1981.3, 1-31.
- . “Woguo lishi shang de Nanhai haiyu jiqi jiexian”

- 我国历史上的南海海域及其界限, *Nanyang wenti* 南洋问题 1984.1, 81-101.
- . *Woguo Nanhai zhudao lishi huibian* 我国南海诸岛历史汇编. Beijing: Dongfang, 1988.
- , and Wu Fengbin 吴风斌. “Xisha qundao he Nansha qundaozigu yilai jiushi Zhongguo de lingtu” 西沙群岛和南沙群岛自古以来就是中国的领土, *Renmin ribao* 人民日报 April 7, 1980, 4. 156 Johannes L. KURZ
- Hayton, Bill. *The South China Sea: The Struggle for Power in Asia*. New Haven: Yale University Press, 2014.
- . “When Good Lawyers Write Bad History”, *Ocean Development and International Law* 48.1 (2017), 17-34.
- . “The Modern Origins of China’s South China Sea Claims: Maps, Misunderstandings, and the Maritime Geobody”, *Modern China* 45.2 (2019), 127-170. [Hayton 2018a]
- . “Writing the History of the South China Sea Disputes”, in: Spangler/Karalekas/Lopes de Souza 2018, 3-24. [Hayton 2018b]
- He Ciyi 何慈毅. “Cong jize lishi ziliao kan Diaoyudao deng daoyu de guishu” 从几则历史资料看钓鱼岛等岛屿的归属, *Dongnan wenhua* 东南文化 1993.1, 249-255.
- Ho van Ky-Thoi. “Naval Battle of the Paracels”, in: Taylor 2014, 153-158.
- Hsu, Mei-ling. “Chinese Marine Cartography: Sea Charts of pre-Modern China”, *Imago Mundi* 40 (1988), 96-112.
- Jiang Hongyi 江红义 and Zhou Li 周理. “Guanyu Nanhai wenti yanjiu de huigu yu fansi: jianlun haiyang zhengzhi fenxi de jiben yaodian” 关于南海问题研究的回顾与反思—兼论海洋政治分析的基本要点, *Shijie jingji yu zhengzhi luntan* 世界经济与政治论坛 2013.4, 12-29.
- Ju Jiwu 鞠繼武. *Zuguo de Nanhai zhudao* 祖國的南海諸島. Shanghai: Xin zhishi, 1954.
- Kopela, Sophia. “Historic Titles and Historic Rights in the Law of the Sea in the Light of the South China Sea Arbitration”, *Ocean Development and International Law* 48.2 (2017), 181-207.

- Kurz, Johannes L. (forthcoming). “Gauging the South China Sea: Route Books (*genglubu*) since 1974”, *China Quarterly*, <https://doi.org/10.1017/S0305741019000353>.
- Lao Zude 劳祖德. “Qingmo guanyu Dongshadao de yici Zhong-Ri jiaobu” 清末关于东沙岛的一次中日交涉, *Lishi yu wenwu ziliao* 历史与文物资料3 (1979).
- Lassere, Frédéric. “Once forgotten reefs... historical images in the scramble for the South China Sea”, *Cybergeo: European Journal of Geography* 92, April 22, 1999. <https://journals.openedition.org/cybergeo/5782#tocfrom1n1>, accessed December 2, 2018.
- Li Baotian 李宝田. “Sishi nian qian Xisha xing” 四十年西沙行. <http://www.cb.com.cn/index/show/rw/cv/cv13444111221>, June 24, 2016, accessed November 1, 2018.
- Li Guoqiang 李国强. “Xin Zhongguo haijiangshi yanjiu 60 nian” 新中国海疆史研究60年, *Zhong-guo bianjiang shidi yanjiu* 中国边疆史地研究 2009.3, 50-63.
- Li Jinming 李金明. “Zhongguo shi Xisha, Nansha qundao dezuixian faxianzhe yu kaifazhe: ping Liu Woteng *Beiniuqude Nanhaishi: ershi shiji qian de Nan Zhongguo hai*” 中国是西沙、南沙群岛的最先发现者与开发者——评黎蜗藤《被扭曲的南海史: 20世纪前的南中国海》, *Yun-nan shehui kexue* 云南社会科学2018.4, 1-8, 186.
- Li Tana. “A View from the Sea: Perspectives on the Northern and Central Vietnamese Coast”, *Journal of Southeast Asian Studies* 37.1 (2006), 83-102. [Li 2006a]
- . “The Rise and Fall of the Jiaozhi Ocean Region”, in Schottenhammer and Ptak 2006, 125-139. [Li 2006b]
- Lin Jinzhi 林金枝. “Shitang changsha ziliao jilu kaoshi” 石塘长沙资料辑录考释, *Nanyang wenti* 南洋问题6 (1979), 100-126.
- Lin Ronggui 林荣贵. “Woguo lidai zhengfu dui Nansha zhudao de guanxia” 我国历代政府对南沙诸岛的管辖, *Zhongguo bianjiang shidi yanjiu daobao* 中国边疆史地研究导报 2 (1990), 4-10, 3.
- Lingwai daida 嶺外代答 (Information on the lands south of the Wuling mountains),

- comp. by Zhou Qufei 周去非. See Yang Wuquan 1999.
- Liu Nanwei 劉南威. *Zhongguo Nanhai zhudao diming lungao* 中國南海諸島地名論稿. Beijing: Kexue chubanshe, 1996.
- Liu Yanhua 刘延华. “Wenxian de lilian” 文献的力量. http://www.xinhuanet.com/world/2016-07/26/c_129179328.htm, accessed Nov 1, 2018.
- Liu Yijie 刘义杰. “‘Qu pai qizhou hui pai kunlun’ jie” “去怕七洲回怕昆仑”解, *Nanhai xuekan* 南海学刊2016.1, 28-37.
- Lu Linsong 卢林松. “Diaoyudao zigu yilai jiushi Zhongguo lingtu” 钓鱼岛自古以来就是中国领土, *Hanghai* 航海 1991.4, 26-27.
- Manguin, Pierre-Yves. “The Southeast Asian Ship: An Historical Approach”, *Journal of Southeast Asian Studies* 11.2 (1980), 266-276.
- Mengliang lu* 夢梁錄 (Account of dreaming [of splendours] over a bowl of millet), comp. by Wu Zimu 吳自牧. *Xuehai leibian* 學海類編[Reprint: Yangzhou: Jiangsu Guangling guji, 1994].
- Minh Hà Pham, Charlotte. “European Navigation, Nautical Instructions and Charts of the Cochinchinese Coast (16th–19th Centuries)”, *Mousson* 27 (2016), 101-126. <https://journals.openedition.org/moussons/3544>, accessed December 5, 2018.
- Müller, Shing, Thomas O. Höllmann, and Gui Putao (eds). *Guangdong: Archaeology and Early Texts. Archäologie und frühe Texte (Zhou–Tang)*. Wiesbaden: Harrassowitz, 2004.
- Nan Mingzi 南溟子 (Chen Jiarong 陳佳榮). “Zhanghai kao” 漲海考. <http://www.world10k.com/blog/pdf/281-290.pdf>, accessed November 5, 2018.
- North Atlantic Treaty Organization. “Joint Press Statement Issued on the Occasion of the Meeting Between the NATO Secretary General, H.E. Mr Jens Stoltenberg and H.E Mr Shinzo Abe, Prime Minister of Japan”, https://www.nato.int/cps/en/natohq/opinions_148029.htm?selectedLocale=en, October 31, 2017, accessed April 3, 2019.
- People’s Republic of China. “Note verbale”. https://www.un.org/depts/los/clcs_new/submissions_files/vnm37_09/chn_2009re_vnm.pdf, accessed April 3, 2019.

- Permanent Court of Arbitration. “Press Release: The South China Sea Arbitration (The Republic of the Philippines v. The People’s Republic of China), July 12, 2016. <https://pca-cpa.org/en/news/pca-press-release-the-south-china-sea-arbitration-the-republic-of-the-philippines-v-the-peoples-republic-of-china/>, accessed April 3, 2019.
- Ptak, Roderich. “Notes on the Word *shanhu* and Chinese Coral Imports from Maritime Asia ca.1250–1600”, *Archipel* 39 (1990), 65-80.
- Ptak, Roderich. 1997. “Die Paracel- und die Spratly-Inseln in Sung-, Yüan und frühen Ming-Texten: Ein maritimes Grenzgebiet?”, in: Dabringhaus and Ptak 1997, 159-181.
- Ptak, Roderich. 2004. “*Zhanghai*. Raum und Konzept: Von den Anfängen bis zur Tang-Zeit”, in: Müller, Höllmann, and Gui 2004, 241-253.
- Ptak, Roderich. “Review of Chen Jiarong 陳佳榮, *Waiguo zhuan* 外國傳”, *Archipel* 74 (2007): 235-237.
- Qi Xin 齊辛. “Nanhai zhudao de zhuquan yu xisha qundao zhi zhan” 南海諸島的主權與西沙群島之戰, *Qishi niandai* 七十年代50 (1974), 38-42.
- Renmin ribao 人民日报(eds.). “Zai Mao zhuxi guanyu ‘guweijinyong’ fangzhen de zhiyin xia woguo Xisha qundao wenwu kaocha qude kexi chengji fajue chu shu yi qian ji de wenwu ziliao, wu ke zhengbian di zhengming xisha tong Nansha, Zhong sha, Dongsha yiyang, zigu jiushi woguo de shensheng lingtu, woguo renmin shi zheli de zhenzheng zhuren” 在毛主席关于“古为今用”方针的指引下 我国西沙群岛文物考察取得可喜成绩发掘出数以千计的文物资料无可争辩地证明西沙同南沙中沙东沙一样自古就是我国的神圣领土 我国人民是这里的真正主人, August 31, 1976, 4.
- Republic of China (Taiwan). “Position Paper of ROC on South China Sea”, March 21, 2016. https://www.taiwanembassy.org/au_en/post/7206.html, accessed October 18, 2018.
- Royal Navy. “HMS Argyll’s US Navy Link-up in South China Sea”. <https://www.royalnavy.mod.uk/news-and-latest-activity/news/2019/january/16/190116-argylls-us-link-up-south-china-sea>, accessed April 3, 2019.

- Schottenhammer, Angela, and Roderich Ptak (eds). *The Perception of Maritime Space in Traditional Chinese Sources*. Wiesbaden: Harrassowitz, 2006.
- Shao Xunzheng 邵循正. “Xisha qundao shi Zhongguo de lingtu” 西沙群岛是中国的领土, *Renmin ribao* 人民日报 July 8, 1956, 4.
- Shen, Jianming. “International Law Rules and Historical Evidences Supporting China’s Title to the South China Sea Islands”, *Hastings International and Comparative Law Review* 21.1 (1997), 1-75.
- . “China’s Sovereignty over the South China Sea Islands: A Historical Perspective”, *Chinese Journal of International Law* 1.1 (2002), 94-157.
- Shi Dizu 史棣祖. “Nanhai zhudao zigu jiushi woguo lingtu” 南海诸岛自古就是我国领土, *Renmin ribao* 人民日报 November 25, 1975, 2.
- . “Xisha qundao kaochaji” 西沙群岛考察记. http://www.igsnrr.cas.cn/sq70/hyhg/kyjl/201005/t20100526_2855986.html, May 26, 2010, accessed November 1, 2018.
- Shih, Ti-tsu [= Shi Dizu]. “South China Sea Islands, Chinese Territory since Ancient Times”, *Pe-king Review* 50 (1975), 10-15.
- Songshi* 宋史 (History of the Song dynasty), comp. by Toghto (Tuotuo 脱脱) et al. Beijing: Zhonghua, 1977.
- Spangler, Jonathan, Karalekas, Dean, and Lopes de Souza, Moises (eds.). *Enterprises, Localities, People, and Policy in the South China Sea*. London: Palgrave Macmillan, 2018.
- Standifer, Cid. “A Brief History of U.S. Freedom of Navigation Operations in the South China Sea”. <https://news.usni.org/2017/05/29/brief-history-us-freedom-navigation-operations-south-china-sea>, accessed April 3, 2019.
- Storey, Ian. “US Navy Conducts First South China Sea FONOP of 2019”. <https://www.iseas.edu.sg/medias/commentaries/item/8881-us-navy-conducts-first-south-china-sea-fonop-of-2019-by-iam-storey>, accessed April 3, 2019.
- Taiping yulan* 太平御覽 (Imperial reader of the Taiping era), comp. by Li Fang 李昉 et al. Beijing: Zhonghua, 1985.
- Tan Qixiang 谭其骧. “Qizhouyang kao” 七州洋考, *Zhongguoshi yanjiu dongtai* 中国史研究动态 1979.6.

- Taylor, Keith W. (ed.). *Voices from the Second Republic of South Vietnam (1967–1975)*. Ithaca, NY: Cornell Southeast Asia Program, 2014.
- T'ien Ju-k'ang. “The First Printed Chinese Rutter: *Duhai fangcheng* 渡海方程”, *T'oung Pao* 68.1-3 (1982), 79-90.
- Thomaz, Luis Filipe F. R. “The Image of the Archipelago in Portuguese Cartography of the 16th and Early 17th Centuries”, *Archipel* 49 (1995), 79-124.
- United States Department of State. *Limits in the Sea 143 China: Maritime Claims in the South China Sea*. Washington: Department of State, 2014.
- Vutz, Cornelia. “The East China Sea Territorial Dispute: Senkaku, Diaoyu, or Tiaoyutai Islands?”, *Library Briefing: Library of the European Parliament*, July 29, 2013.
- Wan Ming 万明. “Mingdai lishi xushizhong de Zhong Liu guanxi yu Diaoyu dao” 明代历史叙事中的中琉关系与钓鱼岛, *Lishi yanjiu* 历史研究2016.3, 77-96, 189-190.
- Wang Chunyu 王春煜. “Han Zhenhua: Nanhai shidi yanjiu de jiechu xuezhe” 韩振华—南海史地研究杰出学者, *Hainan zhoukan tegao* 海南周刊特稿December 5, 2011, B6.
- Wang Hengjie 王恒杰. “Xisha qundao de kaogu diaocha” 西沙群岛的考古调查, *Kaogu* 考古1992.9, 769-777.
- . “Nansha qundao kaogu diaocha” 南沙群岛考古调查, *Kaogu* 考古1997.9, 64-70.
- Wujing zongyao* 武經總要 (Essentials of the military classics), comp. by Zeng Gongliang 曾公亮. [Reprint:] Beijing: Jiefangjun chubanshe, 1988.
- Xiamen daxue Nanyang yanjiusuo nanshizu 厦门大学南洋研究所南史组. “Nanhai zhudao lilai jiushi Zhongguo de lingtu” 南海诸岛历来就是中国的领土, *Nanyang wenti* 南洋问题1975.5, 1-35.
- Xiang Da 向達(ed.). *Xiyang fanguo zhi* 西洋番國志 (Gazetteer of the western tributary states); *Zheng He hanghai tu* 鄭和航海圖 (Zheng He nautical charts); *Liang zhong haidao zhenjing* 兩種海道針經 (Two nautical compass books). Beijing: Zhonghua, 2000.

- Xie Fang 謝方(ed.). *Xiyang chaogong dianlu jiaozhu* 西洋朝貢典錄校注; *Dong Yi yang kao* [jiao-zhu] 東西洋考[校注]. Zhongwai jiaotong shiji congkan, 5. Beijing: Zhonghua, 2000.
- Xin Tang shu* 新唐書 (New history of the Tang dynasty), comp. by Ouyang Xiu 歐陽修. Beijing: Zhonghua, 1991.
- Xu Yongjie 許永杰 and Fan Yiran 范伊然. “Zhongguo Nanhai zhudao kaogu shuyao” 中國南海諸島考古述要, *Jiangnan kaogu* 江漢考古2012.1, 40-47.
- Yang Bowen 楊博文(ed.). *Zhufan zhi jiaoshi* 諸蕃志校釋; *Zhifang waiji jiaoshi* 職方外紀校釋. Zhongwai jiaotong shiji congkan,12. Beijing: Zhonghua, 2000.
- Yang Wuquan 楊武泉(ed.). *Lingwai daida jiaozhu* 嶺外代答校注. Beijing: Zhonghua, 1999.
- Yangfang jiyao* 洋防輯要 (Summary of maritime defenses), comp. by Yan Ruyi 嚴如煜. Taipei: Taiwan xuesheng, 1975.
- Ye Hanming [Yip Hon Ming] 葉漢明 and Wu Ruiqing [Ng Sui/Soei Hing] 吳瑞卿. “Cong lishi zaiji ji yutu kan nanhai zhudao de zhuquan guishu wenti” 從歷史載記及輿圖看南海諸島的主權歸屬問題, *Mingbao yuekan* 明報月刊101.5 (1974), 9-20.
- Yinghuan kaolue* 瀛環考略 (Brief description of the ocean circuit). Zhongguo shixue congshu xubi-an, 35. Taipei: Taiwan xuesheng, 1984.
- Yinghuan zhilue* 瀛寰志略 (Brief description of the ocean circuit), comp. by Xu Jiyu 徐繼畲. <https://zh.wikisource.org/wiki/瀛寰志略/亞細亞南洋濱海各國>, accessed October 28, 2018.
- Yiwu zhi* 異物志 (Record of oddities), comp. by Yang Fu 楊孚. Ed. by Zeng Zhao 曾釗. Beijing: Zhonghua, 1985.
- Yuanshi* 元史 (History of the Yuan dynasty), comp. by Song Lian 宋濂 et al. Beijing: Zhonghua, 2005.
- Yudi jisheng* 輿地紀勝 (Records of famous places), comp. by Wang Xiangzhi 王象之. Beijing: Zhonghua, 2003.

- Zhang Hongzeng 张鸿增. “Cong guojifa kan Zhongguo dui Xisha qundao he Nansha qundao de zhuquan” 从国际法看中国对西沙群岛和南沙群岛的主权, *Hongqi* 红旗1980.4, 70-78.
- Zhen Binghua 甄炳華. *Haishang silu: Nanhai guguo xunzong mihang* 海上絲路—南海古國尋蹤迷航. Taipei: Taiwan shangwu, 2014.
- Zheng Hailin 郑海麟. “Zhongguo shijizhong de Diaoyudao jiqi xiangguan daoyu kao” 中国史籍中的钓鱼岛及其相关岛屿考, *Taipingyang xuebao* 太平洋学报2014.9, 66-83.
- Zheng Ziyue 鄭資約. *Nanhai zhudao dili zhilüe* 南海諸島地理誌略. Shanghai: Shangwu yinshuguan, 1947.
- Zhengde Qiongtai zhi 正德瓊臺志 (Gazetteer of Qiongtai from the Zhengde era), comp. by Tang Zhou 唐胄. Shanghai: Shanghai guji, 1964.
- Zheng He hanghai tu 鄭和航海圖 (Zheng He nautical charts). See Xiang Da 2000.
- Zhong Yan 钟严. “Lun Diaoyudao zhuquan guishu” 论钓鱼岛主权归属, *Renmin ribao* 人民日报 October 18, 1996, 8.
- Zhongguo gujin diming dacidian 中國古今地名大辭典 (Dictionary of past and present place names in China), comp. by Zang Lihe 臧勵穌 et al. Shanghai: Shangwu, 1931.
- Zhongguo kexueyuan dili yanjiu suo lishi dili zu 中国科学院地理研究所历史地理组. “Woguo guji youguan Nanhai zhudao dongwu de jizai” 我国古籍有关南海诸岛动物的记载, *Dongwu xue-bao* 动物学报22.1 (1976), 59-65.
- Zhongguo kexueyuan Nanhai haiyang yanjiusuo shengwushi ziyuanzu 中国科学院南海海洋研究所生物室资源组. “Xisha qundao haigui shengzhi xixing de chubu guan cha” 西沙群岛海龟生殖习性的初步观察, *Dongwuxue zazhi* 动物学杂志1975.4, 34-35.
- Zhonghua minguo 中華民國. “Zhonghua minguo Nanhai zhengze shuotie” 中華民國南海政策說帖.http://multilingual.mofa.gov.tw/web/web_UTF8/South/中華民國南海政策說帖.pdf, March 21, 2016, accessed November 12, 2018.

Zhonghua renmin gongheguo waijiaobu 中华人民共和国外交部. “Zhonghua renmin gongheguo shengming yijiuqisi nian yi yue ershi ri” 中华人民共和国声明一九七四年一月二十日, *Renmin ribao* 人民日报 January 21, 1974, 1.

———. “Zhongguo dui Xisha qundao he Nanshaqundao de zhuquan wuke zhengbian” 中国对西沙群岛和南沙群岛的主权无可争辩, *Renmin ribao* 人民日报 January 31, 1980, 1. [Zhonghua renmin gongheguo waijiaobu 1980a]

———. “Zhongguo dui Xisha qundao he Nanshaqundao de zhuquan wuke zhengbian” 中国对西沙群岛和南沙群岛的主权无可争辩, *Zhonghua renmin gongheguo guowuyuan gongbao* 中华人民共和国国务院公报 1 (1980), 19-28. [Zhonghua renmin gongheguo waijiaobu 1980b]

———. “Guanyu Xisha qundao Nansha qundao wenti de beiwanglu” 关于西沙群岛南沙群岛问题的备忘录, *Zhonghua renmin gongheguo guowuyuan gongbao* 中华人民共和国国务院公报 1 (1988), 396-398.

———. “Zhongguo dui Nansha qundao yongyou zhuquan de lishi yiju” 中国对南沙群岛拥有主权的历史依据.
https://www.fmprc.gov.cn/web/ziliao_674904/tytj_674911/zcwj_674915/t10648.shtml, November 22, 2000, accessed November 5, 2018.

Zhu Changdu 朱昌都 and Chang Baolan 常宝兰. “Diaoyudao shi Zhongguo guyoude lingtu” 钓鱼岛是中国固有的领土, *Renmin ribao* 人民日报 August 30, 1996, 6.

Zhou Zhaorui 周兆锐. “Diaoyudao deng daoyu wenti de lailong qumai” 钓鱼岛等岛屿问题的来龙去脉, *Wuhan shifan daxue xuebao* 武汉师范大学学报 1978.8, 69-72.

Zhu Qiwu 朱奇武. “Cong guojifa kan Nansha qundao zhuquan de guishu wenti (shang)” 从国际法看南沙群岛主权的问题(上), *Zhengfa luntan* 政法论坛 1990.6, 7-12.

———. “Cong guojifa kan Nansha qundaozhuquan de guishu wenti (xia 下)”, *Zhengfa luntan* 1991.1, 7-15, 6.

Zhufan zhi 諸蕃志 (Record of barbarians), comp. by Zhao Rukuo 趙汝适. See Yang Bowen 2000.